ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Tel. (+84.0236) 3736949, Fax. (84-511) 3842771

Website: http://dut.udn.vn/khoacntt, E-mail: cntt@dut.udn.vn

BÁO CÁO

ĐỒ ÁN CƠ SỞ NGÀNH MẠNG

**ĐỀ TÀI :**

*Nguyên lý hệ điều hành:* Xây dựngchương trình chia sẻ file giữa các máy tính người dùng.

*Lập trình mạng:* Xây dựng chương trình ứng dụng BKZalo cho phép người dùng có thể trò chuyện, nhắn tin, gửi hình ảnh.

SINH VIÊN : Nguyễn Thanh Sang

MÃ SINH VIÊN : 102190037

LỚP : 19TCLC\_DT1

SINH VIÊN : Võ Tấn Hậu

MÃ SINH VIÊN : 102190012

LỚP : 19TCLC\_DT1

SINH VIÊN : Lê Ngọc Duy

MÃ SINH VIÊN : 102190010

LỚP : 19TCLC\_DT1

CBHD : PGS.TS Nguyễn Tấn Khôi

Đà Nẵng, 12/2021

MỤC LỤC

[CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT 3](#_Toc90765841)

[1.1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT 3](#_Toc90765842)

[1.2. PHÁT BIỂU BÀI TOÁN 7](#_Toc90765843)

[1.3. KẾT CHƯƠNG 7](#_Toc90765844)

[CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG 8](#_Toc90765845)

[2.1. PHÂN TÍCH YÊU CẦU 8](#_Toc90765846)

[2.2. PHÂN TÍCH CHỨC NĂNG 8](#_Toc90765847)

[2.2.1. Các chức năng của chương trình 8](#_Toc90765848)

[2.2.2. Công nghệ sử dụng 8](#_Toc90765849)

[2.3. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU 8](#_Toc90765850)

[2.4. TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH 9](#_Toc90765851)

[2.4.1. Tổ chức thư mục 9](#_Toc90765852)

[2.4.2. Server 9](#_Toc90765853)

[2.4.3. Client 11](#_Toc90765854)

[2.5. KẾT CHƯƠNG 13](#_Toc90765855)

[CHƯƠNG 3: TRIỂN KHAI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 14](#_Toc90765856)

[3.1. MÔ HÌNH TRIỂN KHAI 14](#_Toc90765857)

[3.1.1. Mô hình triển khai 14](#_Toc90765858)

[3.1.2. Các công cụ sử dụng 14](#_Toc90765859)

[3.1.3. Cấu hình hệ thống 14](#_Toc90765860)

[3.2. KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM 14](#_Toc90765861)

[3.2.1. Đăng ký, đăng nhập vào hệ thống 14](#_Toc90765862)

[3.2.2. Giao diện chính chương trình 15](#_Toc90765863)

[3.2.3. Giao diện quản lý file cá nhân 16](#_Toc90765864)

[3.3. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 16](#_Toc90765865)

[3.4. KẾT CHƯƠNG 16](#_Toc90765866)

[CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT 17](#_Toc90765867)

[1.1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT 17](#_Toc90765868)

[1.2. PHÁT BIỂU BÀI TOÁN 19](#_Toc90765869)

[1.3. KẾT CHƯƠNG 20](#_Toc90765870)

[CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG 21](#_Toc90765871)

[2.1. PHÂN TÍCH YÊU CẦU 21](#_Toc90765872)

[2.2. PHÂN TÍCH CHỨC NĂNG 21](#_Toc90765873)

[2.2.1. Đối tượng sử dụng 21](#_Toc90765874)

[2.2.2. Các chức năng của chương trình 21](#_Toc90765875)

[2.2.3. Công nghệ sử dụng 22](#_Toc90765876)

[2.3. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU 22](#_Toc90765877)

[2.4. TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH 23](#_Toc90765878)

[2.4.1. Tổ chức thư mục 23](#_Toc90765879)

[2.4.2. Server 23](#_Toc90765880)

[2.4.3. Client 26](#_Toc90765881)

[2.5. KẾT CHƯƠNG 29](#_Toc90765882)

[CHƯƠNG 3: TRIỂN KHAI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 30](#_Toc90765883)

[3.1. MÔ HÌNH TRIỂN KHAI 30](#_Toc90765884)

[3.1.1. Mô hình triển khai 30](#_Toc90765885)

[3.1.2. Các công cụ sử dụng 30](#_Toc90765886)

[3.1.3. Cấu hình hệ thống 30](#_Toc90765887)

[3.2. KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM 30](#_Toc90765888)

[3.2.1. Đăng ký, đăng nhập vào hệ thống 30](#_Toc90765889)

[3.2.2. Chức năng xem danh sách người dùng, cập nhật trạng thái người dùng 32](#_Toc90765890)

[3.2.3. Chức năng nhắn tin, gửi emoji, gửi ảnh, gửi file 33](#_Toc90765891)

[3.2.4. Giao diện server 36](#_Toc90765892)

[3.3. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 37](#_Toc90765893)

[3.4. KẾT CHƯƠNG 37](#_Toc90765894)

[KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN 38](#_Toc90765895)

[**1.** **KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC** 38](#_Toc90765896)

[**2.** **KIẾN NGHỊ VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN** 38](#_Toc90765897)

**DANH SÁCH HÌNH ẢNH**

[Hình **1** Mô hình mạng máy tính 3](#_Toc90766275)

[Hình **2** Mô tả kiến trúc mạng client – server 5](#_Toc90766276)

[Hình 3 Sự kiện đăng nhập và đăng ký 10](#_Toc90766277)

[Hình 4 Giao diện đăng nhập, đăng ký 15](#_Toc90766278)

[Hình 5 Giao diện chính chương trình 15](#_Toc90766279)

[Hình 6 Giao diện quản lý file cá nhân 16](#_Toc90766280)

[Hình **7** Mô tả Web API 18](#_Toc90766281)

[Hình **8** Table Account 22](#_Toc90766282)

[Hình **9** Table User 22](#_Toc90766283)

[Hình **10** Table Message 23](#_Toc90766284)

[Hình **11** Đăng ký tài khoản 24](#_Toc90766285)

[Hình **12** API Register 24](#_Toc90766286)

[Hình **13** API Login 25](#_Toc90766287)

[Hình **14** Call API Register 27](#_Toc90766288)

[Hình **15** Call API Login 27](#_Toc90766289)

[Hình **16** Giao diện đăng ký 31](#_Toc90766290)

[Hình **17** Giao diện đăng nhập 31](#_Toc90766291)

[Hình **18** Danh sách người dùng 32](#_Toc90766292)

[Hình **19** Cập nhật trạng thái hoạt động 33](#_Toc90766293)

[Hình **20** Giao diện nhắn tin 33](#_Toc90766294)

[Hình **21** Panel more 34](#_Toc90766295)

[Hình **22** Danh sách emoji loại 1 35](#_Toc90766296)

[Hình **23** Danh sách emoji loại 2 35](#_Toc90766297)

[Hình **24** Gửi file, gửi ảnh 36](#_Toc90766298)

[Hình **25** Giao diện server 37](#_Toc90766299)

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ viết tắt** | **Diễn giải** |
| IP | Internet Protocol |
| MD5 | Message-Degist Algorithm 5 |
| SHA | Secure Hash Algorithm |
| API | Application Programming Interface |
| URL | Uniform Resource Locator |

MỞ ĐẦU

1. **Tổng quan về đề tài**

**Nguyên lý hệ điều hành:** Xây dựng được một hệ thống theo mô hình client-server cho phép chia sẻ file giữa các máy tính người dùng.

**Lập trình mạng:** Xây dựng được một hệ thống theo mô hình client-server cho phép các người dùng có thể trao đổi dữ liệu với nhau ở dạng văn bản, hình ảnh. Việc trao đổi dữ liệu được thực hiện thông qua ứng dụng trên máy tính.

**2. Mục đích và ý nghĩa của đề tài**

Hiểu rõ được nguyên lý và cách hoạt động của mô hình client-server cũng như có thể xây dựng được các chương trình có khả năng làm việc trong môi trường mạng tích hợp nói chung và mạng máy tính nói riêng.

Trao dồi thêm được kiến thức hệ thống mạng, mô hình xây dựng chương trình ứng dụng mạng cũng như kiến thức về cơ sở dữ liệu.

Ngoài ra đề tài còn tạo điều kiện cho sinh viên:

* Đi sâu và nắm vững một cách có hệ thống kiến thức đã thu nhận được trong quá trình học lý thuyết, làm bài tập và thực hành.
* Từng bước làm quen với các công tác khoa học có định hướng của giáo viên hướng dẫn và hình thành hành vi nghiên cứu độc lập có sự trợ giúp của tài liệu tham khảo.
* Gắn quá trình với công tác nghiên cứu thực tế.
* Trình bày rõ ràng và khoa học một vấn đề thuộc lĩnh vực nghiên cứu của mình

**3. Bố cục của đồ án**

Đồ án gồm 2 phần, mỗi phần bao gồm các nội dung sau:

*Mở đầu*

*Chương 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT*

*Chương 2: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG*

*Chương 3: TRIỂN KHAI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ*

*Kết luận và hướng phát triển.*

***Phần I: NGUYÊN LÝ HỆ ĐIỀU HÀNH***

***Đề tài:***

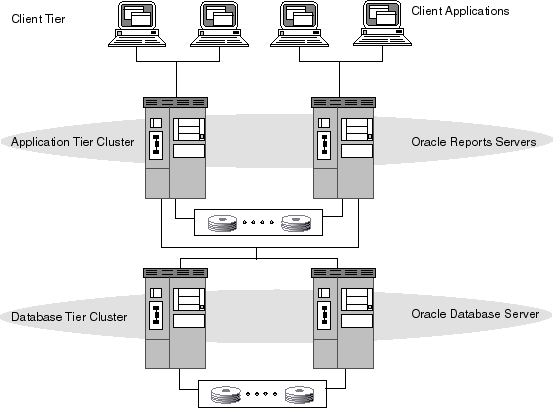
***Xây dựng chương trình chia sẻ file giữa các máy tính***

# CƠ SỞ LÝ THUYẾT

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT

* 1. **Mạng máy tính:**

Hiểu một cách đơn giản, mạng máy tính là một hệ thống bao gồm nhiều máy tính và các thiết bị mạng được kết nối với nhau bằng đường truyền vật lý theo một kiến trúc mạng nào đó. Nhằm tăng khả năng thu thập thông tin, dữ liệu và chia sẻ tài nguyên đến cho nhiều người dùng trong cùng một thời gian



Hình 1 Mô hình mạng máy tính

Trên một hệ thống mạng, máy tính có thể đảm nhận một trong 3 vai trò sau:

Máy tính đóng vai trò là máy chủ – Server: Là máy tính có khả năng cung cấp tài nguyên và các dịch vụ đến các máy trạm khác trong hệ thống mạng. Server đóng vai trò hỗ trợ cho các hoạt động trên máy trạm client diễn ra hiệu quả hơn.

Máy tính đóng vai trò là máy trạm – Client: Với vai trò là máy trạm, chúng sẽ không cung cấp tài nguyên đến các máy tính khác mà chỉ sử dụng tài nguyên được cung cấp từ máy chủ. Một client trong mô hình này có thể là một server cho mô hình khác, tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng của người dùng.

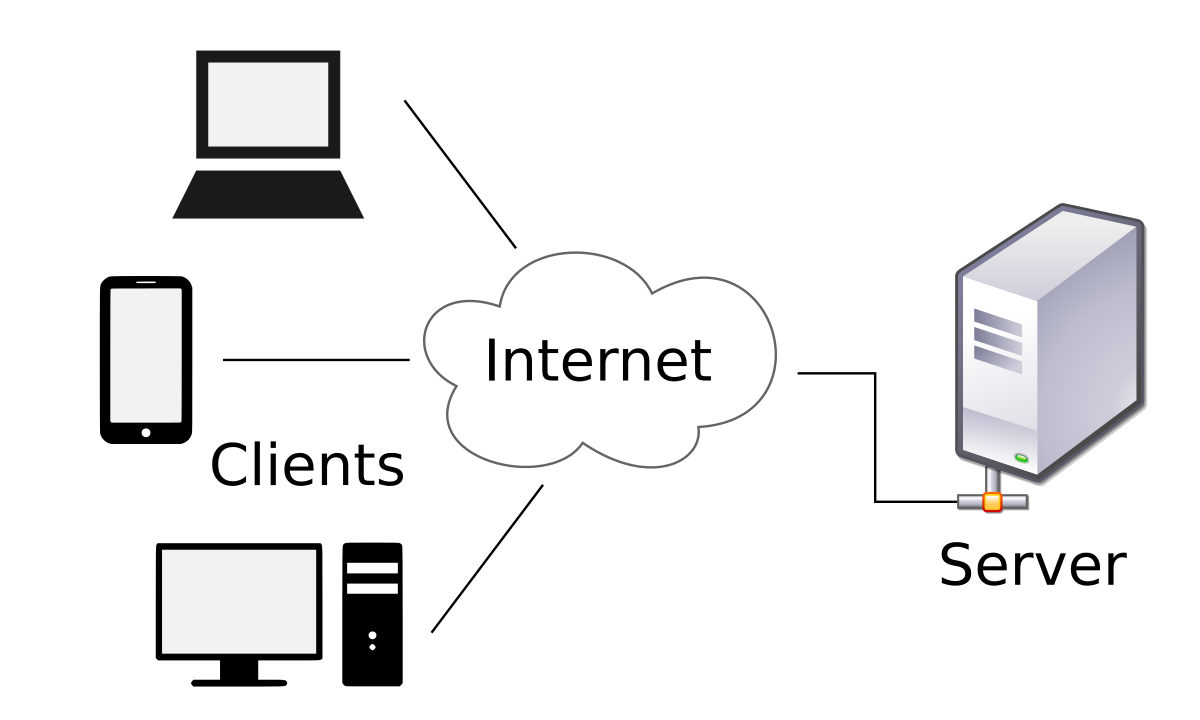
Máy tính đóng vai trò là Peer: Vừa sử dụng tài nguyên từ máy chủ cung cấp, đồng thời cũng cung cấp tài nguyên đến các máy tính khác trong mạng.

Dựa vào các vai trò máy tính cung cấp cho hệ thống mạng mà chúng được phân chia ra thành 3 loại sau:

* Mô hình máy khách chủ – Client Server
* Mô hình mạng ngang hàng – Peer-to-Peer
* Mô hình mạng lai – Hybrid

1. **Mô hình kiến trúc mạng client – server**

Mô hình mạng client server là mô hình nổi tiếng trong hệ thống mạng máy tính, và chúng được áp dụng rộng rãi trên hầu hết các trang web hiện có. Với mô hình máy, các máy tính con được đóng vai trò như một máy khách, chúng làm nhiệm vụ gửi yêu cầu đến các máy chủ. Để máy chủ xử lý yêu cầu và trả kết quả về cho máy khách đó.



Hình 2 Mô tả kiến trúc mạng client – server

Trong mô hình này, server chấp nhận tấy cả các yêu cầu hợp lệ từ mọi nơi khác nhau trên mạng, sau đó trả kết quả về máy tính đã gửi yêu cầu.

Máy tính được coi là máy khách khi chúng làm nhiệm vụ gửi yêu cầu đến các máy chủ và đợi câu trả lời được gửi về.

Để máy khách và máy chủ có thể giao tiếp được với nhau thì giữa chúng phải có một chuẩn nhất định, và chuẩn đó được gọi là giao thức. Một số giao thức chuẩn được sử dụng rộng rãi hiện nay như TCP/IP, OSI, ISDN, X.25, Lan-to-Lan,.. Khi đó, nếu máy khách muốn lấy được thông tin từ máy chủ, chúng phải tuân theo một giao thức mà máy chủ đó đưa ra. Nếu yêu cầu đó được chấp nhận thì máy chủ sẽ thu thập thông tin và trả về kết quả cho máy khách yêu cầu. Bởi thông thường, server luôn trong trạng thái sẵn sàng nhận yêu cầu từ các client, nên chỉ cần client gửi tín hiệu và chấp nhận yêu cầu là server sẽ trả về kết quả trong thời gian ngắn nhất có thể.

* **Ưu điểm:**

Nhờ sự xuất hiện của mô hình client server giúp chúng ta có thể làm việc trên bất kì một máy tính nào có hỗ trợ giao thức truyền thông. Giao thức chuẩn này cũng giúp các nhà sản xuất tích hợp lên nhiều sản phẩm khác nhau mà không gặp phải khó khăn gì.

Có thể có nhiều chương server cùng làm một dịch vụ, chúng có thể nằm trên nhiều máy tính hoặc một máy tính.

Mô hình Client server chỉ mang đặc điểm của phần mềm mà không hề liên quan đến phần cứng, ngoài yêu cầu duy nhất là server phải có cấu hình cao hơn các client.

Client server hỗ trợ người dùng nhiều dịch vụ đa dạng và sự tiện dụng bởi khả năng truy cập từ xa mà các mô hình cũ không có được.

Mô hình mạng khách chủ cung cấp một nền tảng lý tưởng, cho phép cung cấp tích hợp các kỹ thuật hiện đại như mô hình thiết kế hướng đối tượng, hệ chuyên gia, hệ thông tin địa lý (GIS).

* **Nhược điểm:**

Do phải trao đổi dữ liệu giữa 2 máy tính khác nhau ở 2 khu vực địa lý cách xa nhau, nên vấn đề bảo mật dữ liệu thông tin đôi khi còn chưa được an toàn lắm. Đây là nhược điểm duy nhất của mô hình này.

1. **Socket IO**

Để xây dựng một ứng dụng realtime cần sử dụng socketio. Socketio sẽ giúp các bên ở những địa điểm khác nhau kết nối với nhau, truyền dữ liệu ngay lập tức thông qua server trung gian. Socketio có thể được sử dụng trong nhiều ứng dụng như chat, game online, cập nhật kết quả của một trận đấu đang xảy ra,...

Socketio không phải là một ngôn ngữ, mà chỉ là 1 công cụ giúp thực hiện những ứng dụng realtime. Vì thế, không thể sử dụng socketio để thay thế hoàn toàn cho một ngôn ngữ, mà phải sử dụng kết hợp với một ngôn ngữ khác. Ngôn ngữ đó có thể là php, asp.net, nodejs,...

Cơ chế hoạt động của một ứng dụng realtime đó là thông qua server để lắng nghe (listen) data và truyền data về các máy client. Vì vậy cần cài khai báo sử dụng socketio ở cả phía server và client.

## PHÁT BIỂU BÀI TOÁN

* Xây dựng chương trình gồm hai phần là client và server.
* Server có chức năng tiếp nhận, lưu trữ giữ liệu và phản hồi lại với phía client khi client gửi yêu cầu đến.
* Người dùng có thể sử dụng chương trình bên phía client để upload file lên server hoặc download file từ server xuống máy tính.
* Sử dụng Socket IO

Để cài đặt Socket.io trong dự án của mình ban cần phải cài đặt ở 2 phía đó là server và client. Socket.io sẽ đảm nhận kết nối giữa 2 phía, thông thường các API của 2 phia sẽ tương tự giống nhau.

Cơ chế lắng nghe, truyền dữ liệu của socketio: Để bạn có thể lắng nghe data thì hãy sử dụng câu lệnh socket.on(), để phát dữ liệu thì sử dụng lệnh socket.emit().

## KẾT CHƯƠNG

Chương này trình bày những kiến thức tổng quát về mạng máy tính cũng như về mô hình client-server, kèm theo các ưu và nhược điểm của nó. Bên cạnh đó chương cũng giới thiệu sơ lược về Socket IO và cách sử dụng Socket IO. Để có thể xây dựng được một ứng dụng chia sẻ file giữa các máy tính thì việc sử dụng Socket IO sẽ giúp đỡ chúng ta rất nhiều về vấn đề giao tiếp và trao đổi dữ liệu giữa client và server.

# PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

## PHÂN TÍCH YÊU CẦU

* **Nội dung đề tài:**

Xây dựng chương trình chia sẻ file giữa các máy tính

* **Hướng giải quyết**

Tìm hiểu về Socket IO, cách ghi file trên máy tính và cách sử dụng giao thức TCP/IP để chia sẻ file giữa các máy tính. Sau đó cài đặt server dựa trên những kiến thức đã tìm hiểu.

Viết chương trình client có kết nối với server đã thiết lập ở trên để giao tiếp với nhau

## PHÂN TÍCH CHỨC NĂNG

### Các chức năng của chương trình

* Chức năng đăng nhập, đăng ký.
* Chức năng upload, download file.
* Chức năng sắp xếp, tìm kiếm file từ danh sách tất cả các file có trên server.
* Chức năng quản lý các file đã upload.

### Công nghệ sử dụng

* Socket IO.

## THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Chương trình sử dụng MySQL để lưu trữ dữ liệu về tài khoản người dùng và các thông tin cơ bản của file như tên file, kích thước file, đường dẫn của file trên máy server,…

## TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH

### Tổ chức thư mục

Chương trình được chia làm hai chương trình con là server và client với mỗi phần thực hiện một chức năng khác nhau.

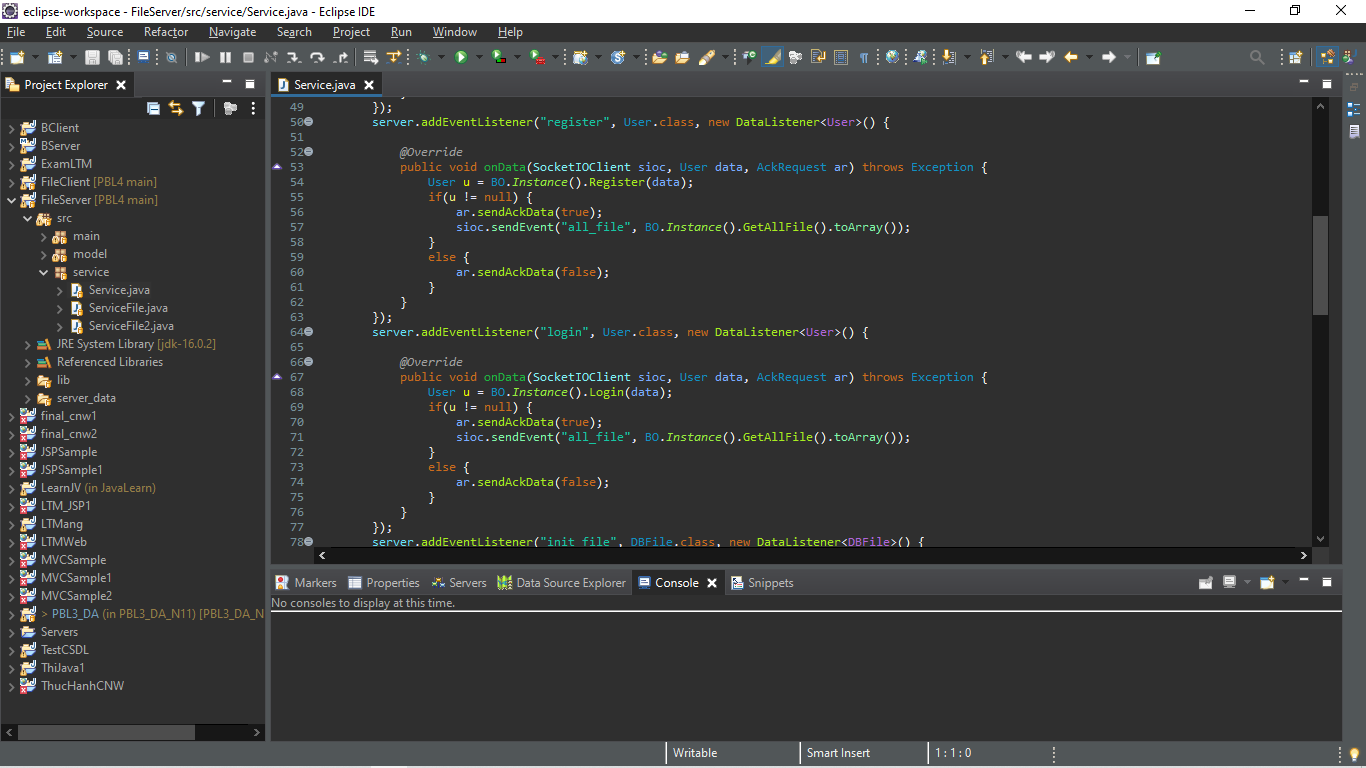
### Server

Server có nhiệm vụ lắng nghe kết nối, nhận giữ liệu, lưu trữ giữ liệu và phản hồi lại client khi có yêu cầu gửi đến. Server gồm 3 module chính: Socket IO, Đọc và ghi file, truy vấn database.

1. **Socket IO**

Module này có chức năng chính trong chương trình, phụ trách nhiều tác vụ như: xác thực đăng nhập, đăng ký người dùng, cập nhật danh sách file, nhận dữ liệu khi người dùng upload file hay gửi dữ liệu đến client khi người dùng download file.

* Đăng nhập, đăng ký người dùng:
* Client gửi thông tin tài khoản gồm username và password đến server.
* Server nhận được thông tin tài khoản người dùng sau đó gửi dữ liệu đến module truy vẫn database để kiểm tra và xác nhận tài khoản.
* Nếu tài khoản hợp lệ, server sẽ gửi trả lại kết quả “true” đến client, nếu không hợp lệ, sẽ gửi trả lại kết quả “false” đến client.



Hình 3 Sự kiện đăng nhập và đăng ký

* Cập nhật danh sách file
* Client gửi yêu cầu danh sách file trên server.
* Server nhận được yêu cầu và gửi yêu cầu đến module truy vấn database để lấy danh sách file.
* Danh sách file được gửi trả lại client.
* Nhận giữ liệu upload file
* Client dữ liệu file upload đến server.
* Server nhận thông tin của file, gửi thông tin đến module truy vấn database để lưu lại thông tin của file.
* Server nhận dữ liệu của file sau đó truyền dữ liệu đến module đọc ghi file để thực hiện ghi file. File sẽ được ghi với tên là id của file đó.
* Download file
* Client gửi yêu cầu download file đến server kèm theo thông tin file cần download.
* Server nhận được yêu cầu sẽ gửi thông tin file cần download đến module đọc ghi file, module đọc ghi file sẽ thực hiện đọc file trên máy server và gửi dữ liệu cho client dưới dạng các mảng byte.

1. **Truy vấn database**

Module này làm việc với cơ sở dữ liệu và trả về dữ liệu khi các module khác yêu cầu.

Gồm các chức năng chính:

* Xác thực đăng nhập, đăng ký.
* Lấy danh sách file.
* Thêm thông tin file mới.
* Sửa thông tin file.
* Xóa file.

1. **Đọc ghi file**

Module này sử dụng thư viện RandomAccessFile để thực hiện đọc, ghi file. Có chức năng ghi file lên máy server khi client upload file và thực hiện đọc file và gửi nội dung file đến client khi client yêu cầu download file.

Module này thực hiện trên một luồng riêng biệt để tối ưu hóa thời gian thực hiện trên server.

### Client

Client có chức năng lấy dữ liệu từ phía server và hiển thị dữ liệu lên giao diện người dùng. Gồm các module chính: Socket IO, View, Đọc ghi file.

1. **Socket IO**

Module này thực hiện trao đổi thông tin với server, thực hiện một số chức năng cụ thể như: Đăng nhập và đăng ký, upload và download file, cập nhật danh sách file.

* Đăng nhập và đăng ký
* Gửi thông tin tài khoản đến server
* Nhận kết quả trả về từ server, từ kết quả của server thực hiện xác nhận tài khoản có chính xác hay không và gửi thông tin đến module View
* Upload file
* Nhận thông file cần upload từ module View
* Module đọc ghi file sẽ thực hiện đọc file
* Module Socket IO sẽ gửi nội dung file đến server dưới dạng các mảng byte.
* Download file
* Nhận thông tin file cần download từ module View
* Module Socket IO sẽ gửi thông tin file cần download đến server, sau đó nhận dữ liệu dưới dạng các mảng byte từ server gửi đến.
* Dữ liệu sẽ được chuyển sang module đọc ghi file để thực hiện ghi file trên máy.
* Cập nhật danh sách file
* Module Socket IO gửi yêu cầu danh sách file đến server, sau đó nhận dữ liệu là một mảng danh sách thông tin các file.
* Sau đó dữ liệu sẽ được gửi đến module View để hiển thị lên giao diện người dùng.
* Khi có bất kì sự thay đổi nào về danh sách file chẳng hạn như có người dùng upload file mới hoặc có người dùng xóa file, module Socket IO sẽ nhận được thông báo từ server và sẽ thực hiện cập nhật lại danh sách file.

1. **View**

Có chức năng chính là tương tác với người dùng, lấy là hiển thị dữ liệu cho người dùng.

1. **Đọc ghi file**

Module này sử dụng RandomAccessFile để thực hiện đọc, ghi file. Có chức năng đọc file trên máy người dùng để thực hiện upload file hoặc ghi file lên máy người dùng khi download file.

## KẾT CHƯƠNG

Chương này trình bày hướng giải quyết của bài toán, các chức năng chính của chương trình, các công nghệ sử dụng và tổ chức chương trình. Ngoài ra chương còn trình bày các thuật toán để giải quyết vấn đề nhận và gửi tin nhắn trong ứng dụng.

# TRIỂN KHAI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

## MÔ HÌNH TRIỂN KHAI

### Mô hình triển khai

Chương trình được triển khai theo mô hình client-server.

### Các công cụ sử dụng

* Ngôn ngữ lập trình: java
* IDE: Eclipse

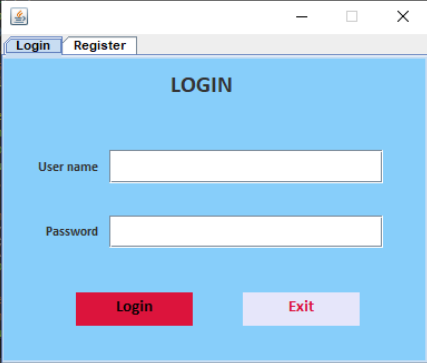
### Cấu hình hệ thống

* Phiên bản java: jdk 16

## KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

### Đăng ký, đăng nhập vào hệ thống

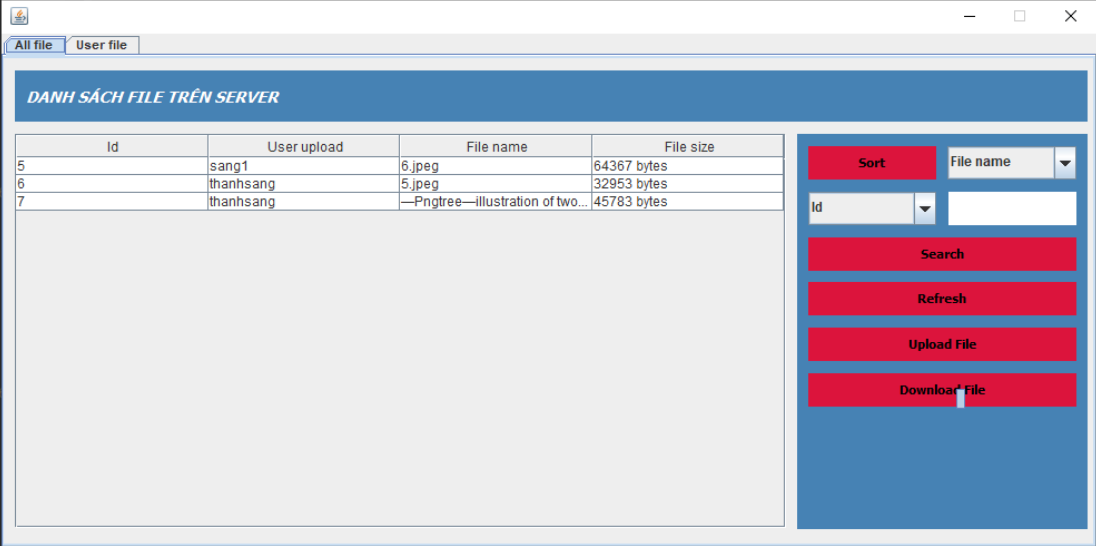
* Người dùng điền thông tin tài khoản và mật khẩu vào đầy đủ các trường sau đó nhấn đăng nhập hoặc đăng ký.
* Nếu đăng nhập hoặc đăng ký thành công, người dùng có thể truy cập vào hệ thống.
* Nếu đăng nhập hoặc đăng ký thất bại, hệ thống sẽ thông báo lỗi cho người dùng



Hình 4 Giao diện đăng nhập, đăng ký

### Giao diện chính chương trình

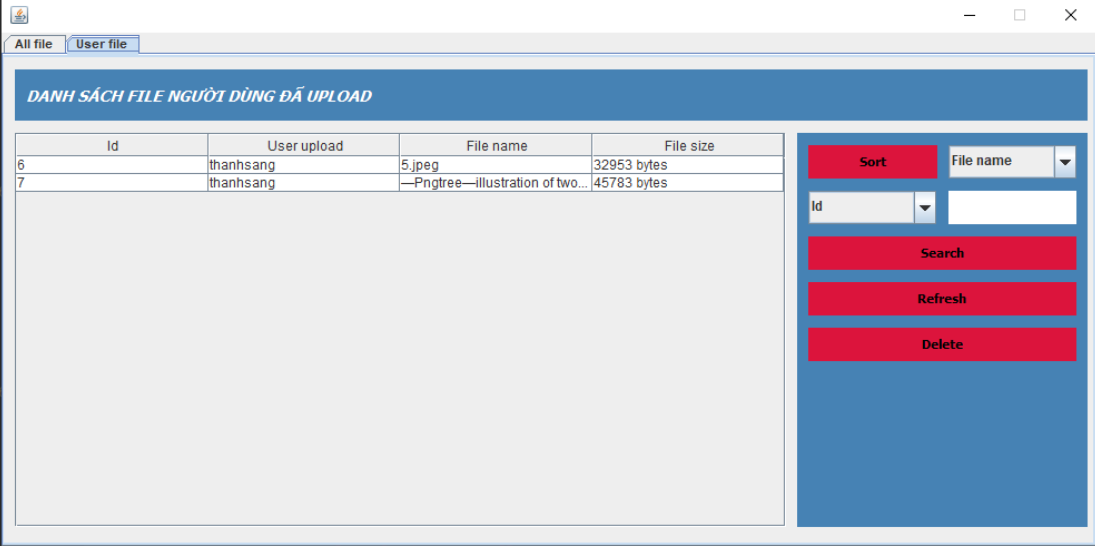
* Người dùng có thể sắp xếp, tìm kiếm thông tin file.
* Để upload file, người dùng nhấn và button upload file sau đó chọn file cần upload, nhấn open sau đó hệ thống sẽ tiến hành upload file.
* Để download file, người dùng chọn file cần download trên danh sách sau đó nhận vào button download file, sau đó hệ thống sẽ tiến hành download file



Hình 5 Giao diện chính chương trình

### Giao diện quản lý file cá nhân

* Tương tự như ở giao diện chính, người dùng cũng có thể sắp xếp hoặc tìm kiềm thông tin file mà người dùng đã upload.
* Người dùng có thể xóa file bằng cách chọn một file bên danh sách sau đó nhấn vào button delete, sau đó hệ thống sẽ tiến hành xóa file.



Hình 6 Giao diện quản lý file cá nhân

## NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

* Chương trình đã thực hiện được các điều kiện mà bài toán đặt ra, tuy nhiên nếu muốn đưa vào sử dụng cần thêm nhiều chức năng hơn.
* Giao diện của chương trình cũng chưa tối ưu và than thiện với người dùng, cần cải thiện, nâng cấp để chương trình có một giao diện đẹp hơn và thân thiện với người dùng hơn.

## KẾT CHƯƠNG

Chương này trình bày về môi trường để cài đặt, kết quả triển khai và đánh giá nhận xét kết quả chương trình.

***Phần II: LẬP TRÌNH MẠNG***

***Đề tài:***

***Xây dựng chương trình BKZalo co phép người dùng có thể trò chuyện, nhắn tin, gửi hình ảnh.***

# CƠ SỞ LÝ THUYẾT

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT

1. **Mạng máy tính**

Tham khảo phần nguyên lý hệ điều hành.

1. **Mô hình kiến trúc mạng client-server**

Tham khảo phần nguyên lý hệ điều hành.

1. **Socket IO**

Tham khảo phần nguyên lý hệ điều hành.

1. **Tổng quan về API**

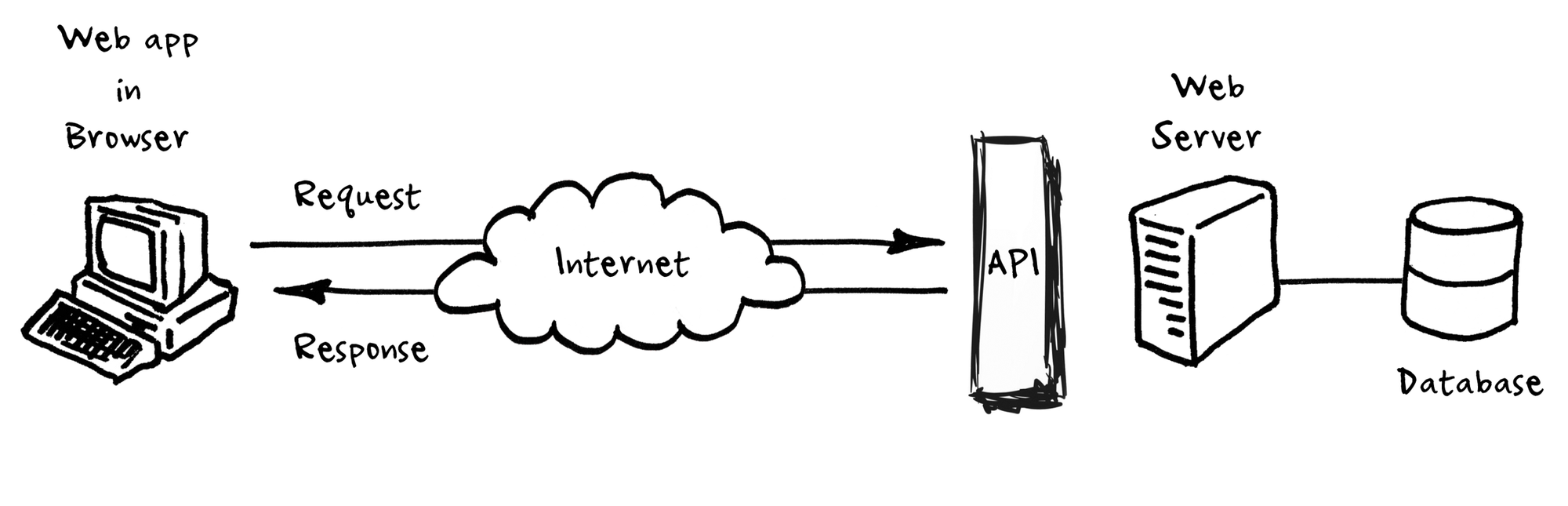
* **API là gì:**

API được viết tắt bởi cụm từ tiếng Anh Application Programming Interface, tức giao diện lập trình ứng dụng. Đây là phương tiện cho hai hoặc nhiều ứng dụng trao đổi, tương tác với nhau, tạo ra tương tác giữa người dùng với ứng dụng hiệu quả và tiện lợi hơn.

Với API, các lập trình viên có thể tiếp cận, truy xuất dữ liệu từ máy chủ thể hiện chúng trên ứng dụng phần mềm hoặc website của mình một cách dễ dàng hơn.

* **Web API là gì?**

Web API là một phương thức dùng để cho phép các ứng dụng khác nhau có thể giao tiếp, trao đổi dữ liệu qua lại. Dữ liệu được Web API trả lại thường ở dạng JSON hoặc XML thông qua giao thức HTTP hoặc HTTPS.



Hình 7 Mô tả Web API

Ưu và nhược điểm của Web API

* **Ưu điểm:**
* Web API được sử dụng hầu hết trên các ứng dụng desktop, ứng dụng mobile và ứng dụng website.
* Linh hoạt với các định dạng dữ liệu khi trả về client: Json, XML hay định dạng khác.
* Nhanh chóng xây dựng HTTP service: URI, request/response headers, caching, versioning, content formats và có thể host trong ứng dụng hoặc trên IIS.
* Mã nguồn mở, hỗ trợ chức năng RESTful đầy đủ, sử dụng bởi bất kì client nào hỗ trợ XML, Json.
* Hỗ trợ đầy đủ các thành phần MVC như: routing, controller, action result, filter, model binder, IoC container, dependency injection, unit test.
* Giao tiếp hai chiều được xác nhận trong các giao dịch, đảm bảo độ tin cậy cao.
* **Nhược điểm:**

Do web API còn khá mới nên chưa thể đánh giá nhiều về nhược điểm của mô hình nay. Tuy nhiên, dễ dàng nhận thấy:

* Để sử dụng hiệu quả cần có kiến thức chuyên sâu, có kinh nghiệm backend tốt
* Tốn thời gian và chi phí cho việc phát triển, nâng cấp và vận hành
* Có thể gặp vấn đề về bảo mật khi hệ thống bị tấn công nếu không giới hạn điều kiện kỹ.

## PHÁT BIỂU BÀI TOÁN

* Xây dựng Web API cho phép xác thực, đăng nhập, thao tác dữ liệu; ứng dụng truy xuất đến website thông qua các API cung cấp.
* Xây dựng ứng dụng kết nối với Webserver để quản lý tài khoản và lưu trữ dữ liệu. Người dùng có thể trao đổi thông tin qua ứng dụng này. Hệ thống có cơ chế xác thực client và lưu nhật ký.

1. **Sử dụng Web API**

4 lệnh CRUD cơ bản:

CRUB bao gồm: Create, Read, Update, Delete. Đây là 4 chức năng cơ bản của bất kỳ cơ sở dữ liệu nào. Web API đều hỗ trợ đầy đủ 4 lệnh, giúp bạn có thể thao tác với dữ liệu lấy từ máy chủ dễ dàng hơn.

* Post: Có chức năng tạo dữ liệu, thông tin mới
* Get: Lệnh đọc/lấy dữ liệu, thông tin mới
* Put: Cập nhật thông tin và dữ liệu đã có
* Delete: Xóa thông tin và dữ liệu đã có

1. **Sử dụng Socket**

Tham khảo phần nguyên lý hệ điều hành

## KẾT CHƯƠNG

Chương này trình bày những kiến thức tổng quát về mạng máy tính cũng như về mô hình client – server, kèm theo các ưu và nhược điểm của nó. Bên cạnh đó chương cũng giới thiệu sơ lược về Web API và Socket IO. Để có thể xây dựng được một ứng dụng chat real-time thông qua mô hình client - server thì việc sử dụng Web API và Socket IO sẽ giúp đỡ chúng ta rất nhiều về vấn đề real-time cũng như backend server.

# PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

## PHÂN TÍCH YÊU CẦU

* **Nội dung đề tài:**

Xây dụng một ứng dụng theo mô hình client – server giúp trao đổi dữ liệu văn bản và hình ảnh với nhau.

* **Hướng giải quyết:**

Tìm hiểu về cách sử dụng Web API và Socket IO để trao đổi dữ liệu giữa client và server. Cài đặt server dựa trên công nghệ Web API và Socket IO đã tìm hiểu để lắng nghe và lấy thông tin từ người dùng gửi đến mà các thông tin đấy sẽ được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu sau đó server sẽ lấy dữ liệu đấy hiển thị lên máy của người dùng khác.

Viết ứng dụng chat cho nhiều client mà thông qua server có kết nối mạng mà ta đã thiết lập ở trên để giao tiếp với nhau.

## PHÂN TÍCH CHỨC NĂNG

### Đối tượng sử dụng

* Những người có nhu cầu trò chuyện, giao tiếp với nhau nhưng không thể trao đổi trực tiếp
* Người có nhu cầu chia sẻ tài nguyên như file, ảnh,…

### Các chức năng của chương trình

* Chức năng đăng nhập, đăng ký
* Chức năng xem danh sách người dùng, người dùng đang online
* Chức năng gửi, nhận tin nhắn real-time, gửi emoji cảm xúc
* Chức năng gửi file, gửi ảnh.

### Công nghệ sử dụng

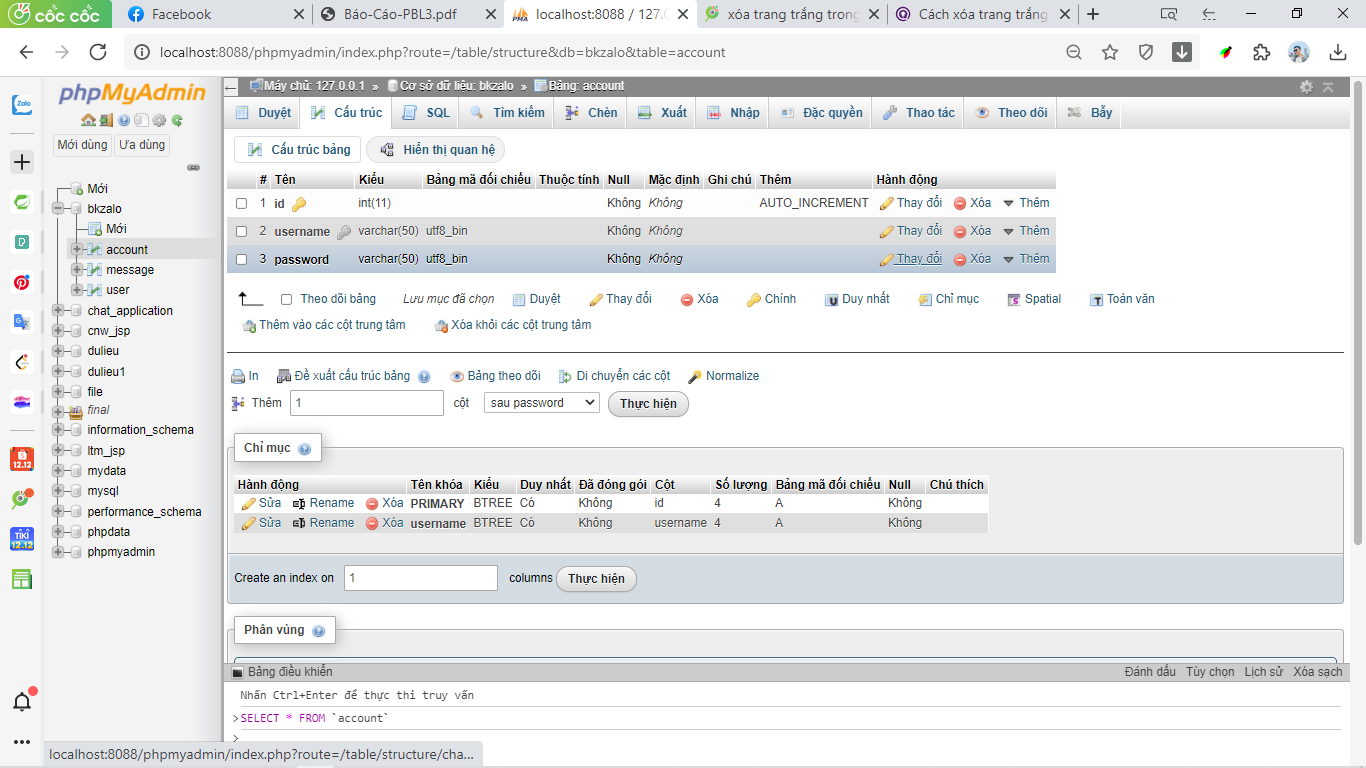
* Web API
* Socket IO

## THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Chương trình sử dụng công cụ MySQL để thiết kế cơ sở dữ liệu.

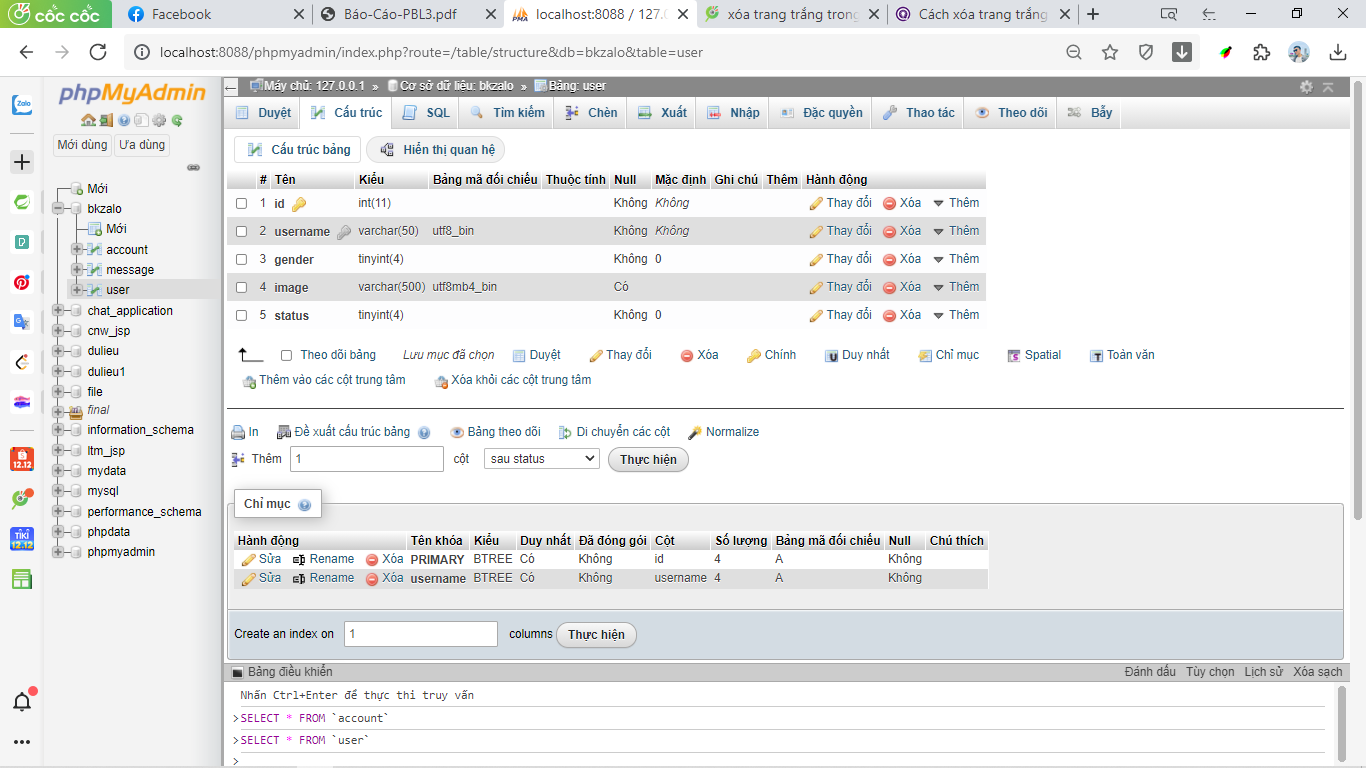
Cơ sở dữ liệu gồm 3 table chính:

* Table Account: Dùng để lưu trữ thông tin tài khoản người dùng.



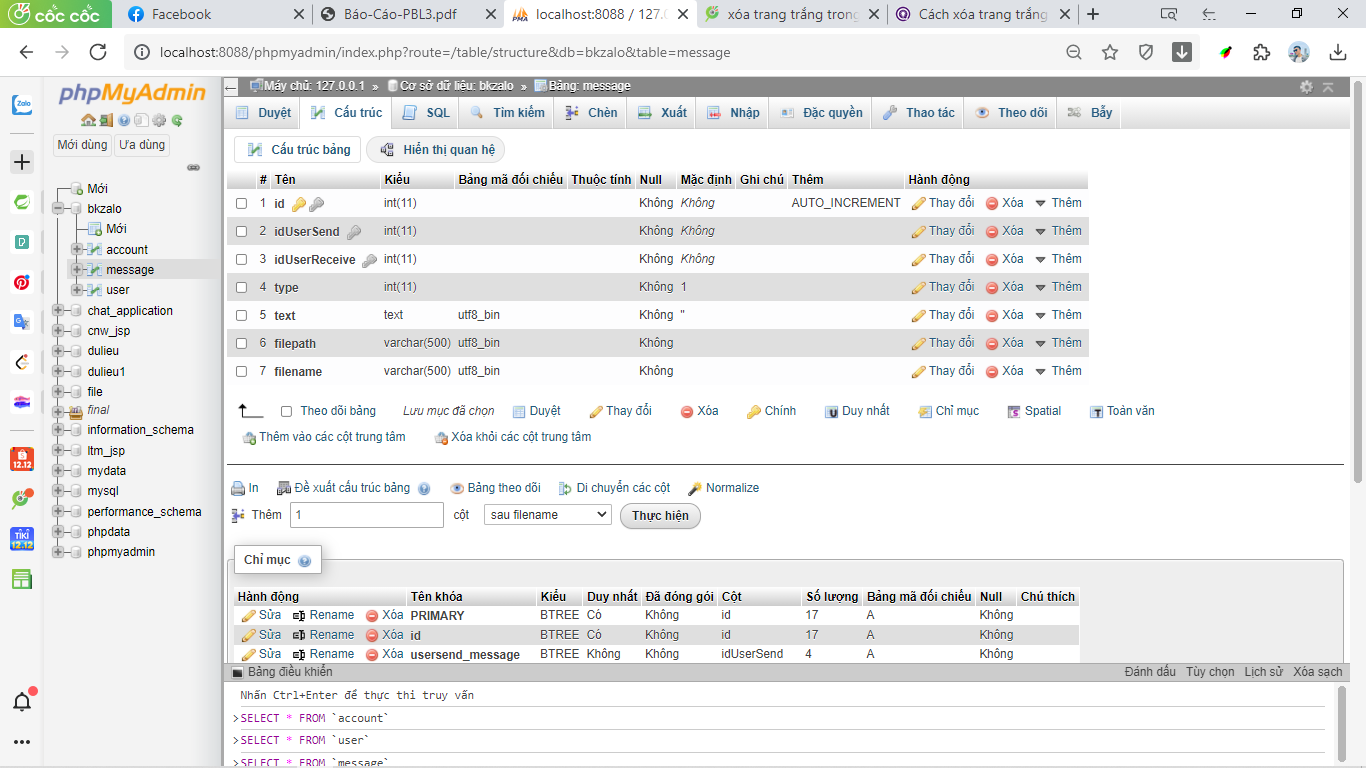
Hình 8 Table Account

* Table User: Dùng để lưu trữ thông tin người dùng



Hình 9 Table User

* Table Message: Dùng để lưu trữ nội dung tin nhắn của người dùng.



Hình 10 Table Message

## TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH

### Tổ chức thư mục

Chương trình được chia làm hai chương trình con là server và client với mỗi phần thực hiện một chức năng khác nhau.

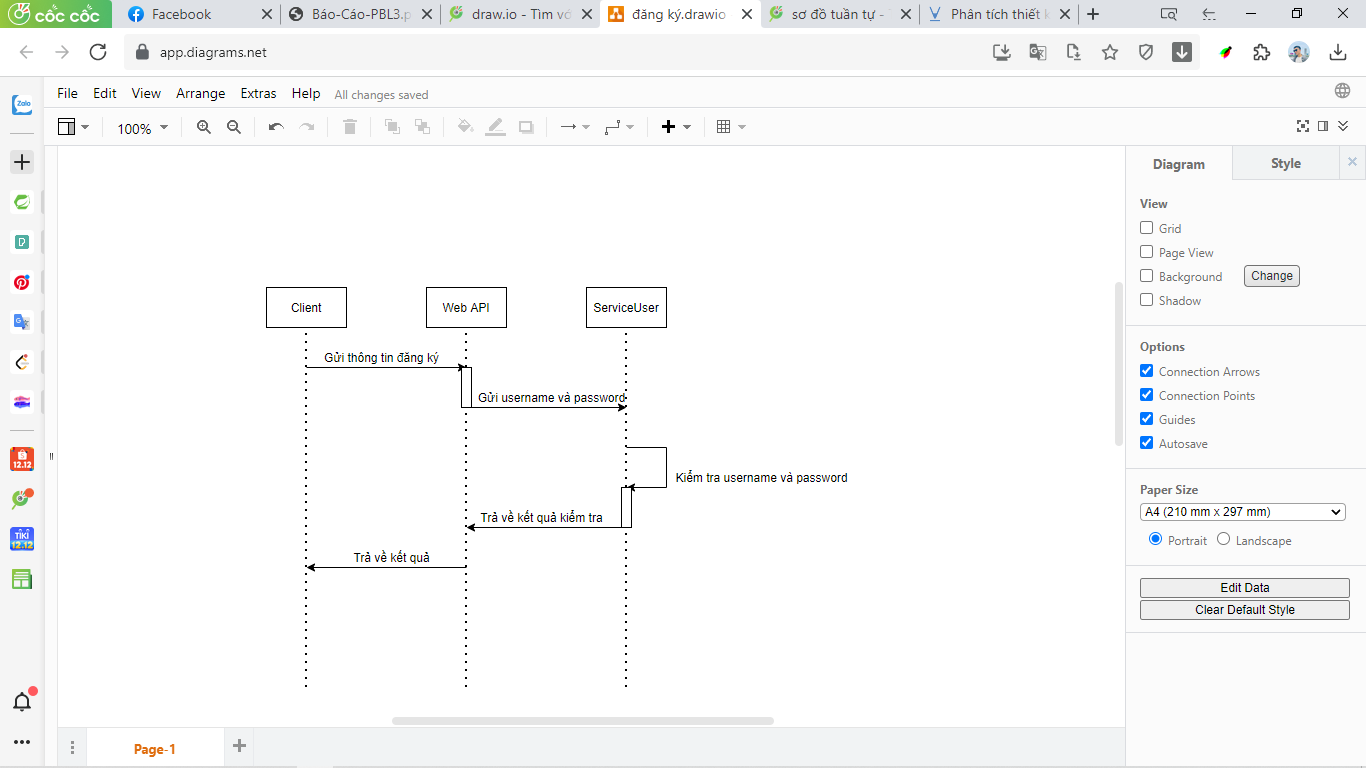
### Server

Server có nhiệm vụ lăng nghe kết nối, nhận dữ liệu, lưu trữ thông tin và phản hồi client. Server gồm có 3 module chính: Web API, Socket IO, truy vấn database.

1. **Web API**

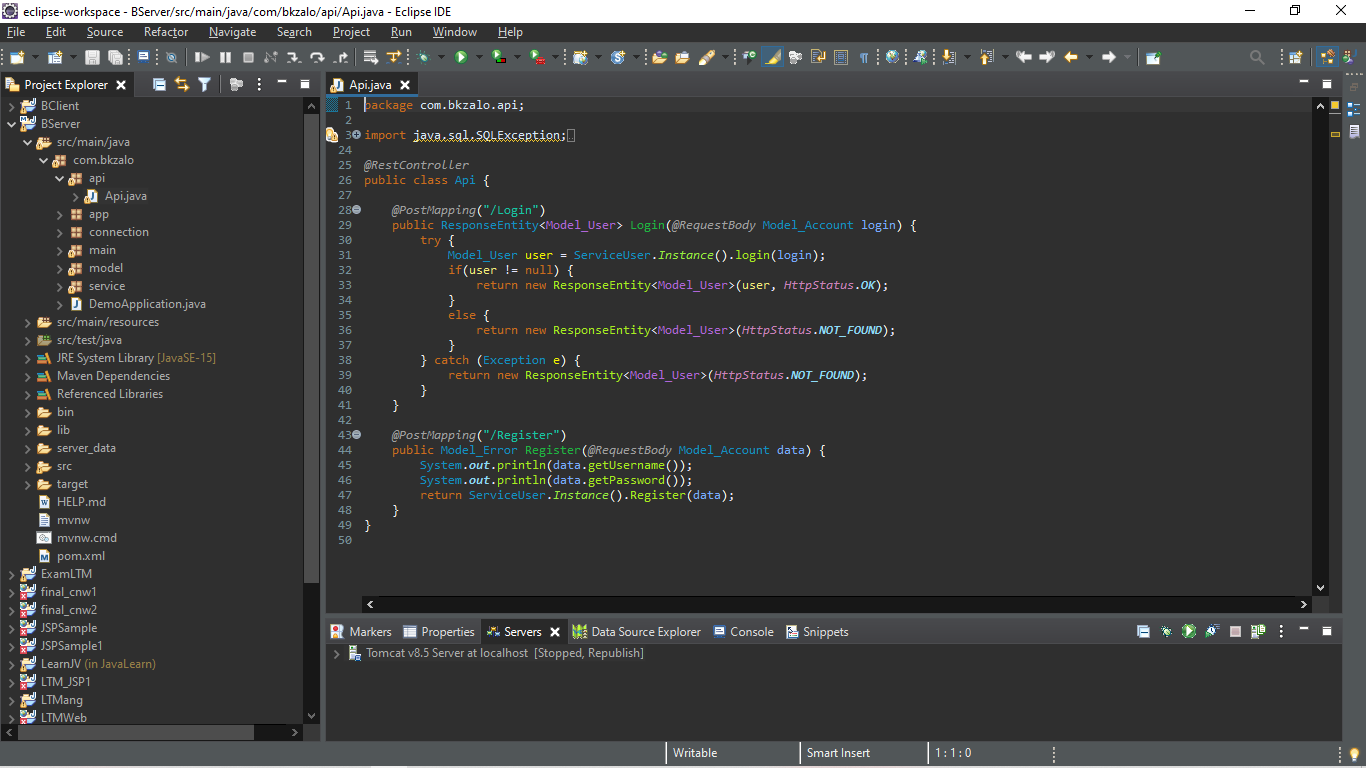
Module này có chức năng xác thực và xử lý thông tin tài khoản của người dùng khi người dùng thực hiện đăng ký hoặc đăng nhập vào hệ thông

* **Đăng ký**



Hình 11 Đăng ký tài khoản

Khi người dùng đăng ký tài khoản ở phía client, client sẽ thực hiện gọi Web API ở phái server để truyền dữ liệu tài khoản đăng ký (dữ liệu được truyền ở dạng **json**) về phía server. Ở phía server, hàm **Register** tương ứng với sự kiện đăng ký sẽ nhận dữ liệu sau đó thực hiện truy vấn đến cơ sở dữ liệu rồi trả lại kết quả cho client.



Hình 12 API Register

**Dữ liệu dạng Json:** {

     "username": "thanhsang",

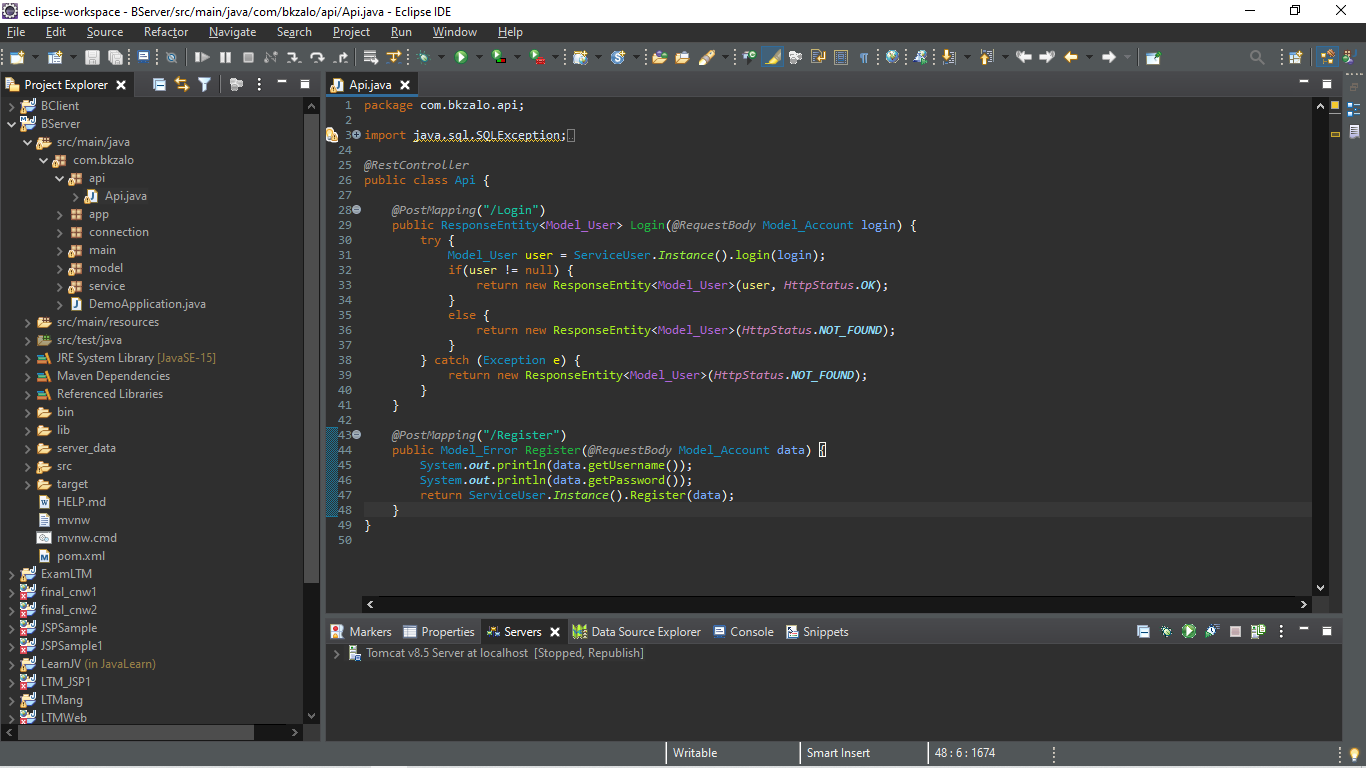
     "password": "123"

}

* **Đăng nhập**

Việc đăng nhập về cơ bản giống như đăng kí người dùng khi mà server cũng lấy thông tin tài khoản người dùng từ client gửi về sau đó truy cập và database để xác thực tài khoản. Sau đó trả kết quả lại cho client.

Hàm sử lý Đăng nhập ở server:



Hình 13 API Login

1. **Socket IO**

Module Socket IO có chức năng chính trong chương trình ở phía server. Phụ trách nhiều tác vụ như: cập nhật danh sách người dùng, cập nhật trạng thái hoạt động của người dùng, sử lý nhắn tin real-time, sử lý gửi nhận file và ảnh.

* **Cập nhật danh sách người dùng**

Khi người dùng đăng nhập vào hệ thống, client sẽ tự động gửi 1 yêu cầu lấy danh sách người dùng, server lắng nghe và nhận được yêu cầu từ phía client. Sau đó, server sẽ truy cập vào database để lấy danh sách người dùng rồi trả ngược lại phía client.

* **Cập nhật trạng thái hoạt động của người dùng**

Khi bất kì một người dùng nào đăng nhập hoặc đăng ký vào hệ thống, chương trình client ở phía người dùng vừa đăng nhập đấy sẽ gửi một yêu cầu cập nhật trạng thái đến server. Khi server nhận được yêu cầu sẽ thay đổi trạng thái người dùng vừa đăng nhập hoặc đăng ký từ offline sang online và gửi lại cho tất cả người dùng khác thông qua phương thức **getBroadcastOperations().sendEvent().**

* **Sử lý nhắn tin real-time**

Khi user1 gửi tin nhắn đến user2, chương trình client bên phía user1 sẽ gửi dữ liệu đến phía server. Khi server nhận được dữ liệu sẽ gửi ngược lại user2, sau đó truy cấn database để lưu dữ liệu tin nhắn vừa được gửi.

* **Sử lý gửi nhận file hoặc ảnh**

Khi user1 gửi file hoặc ảnh đến user2, chương trình client bên phía user1 sẽ gửi dữ liệ đến phía server. Khi server nhận được dữ liệu sẽ thực hiện gửi dữ liệ đến user2 đồng thời tạo ra 1 luồng riêng biệt để thực hiện ghi file dữ liệu vừa nhận được và sau khi ghi xong sẽ truy cập database để lưu trữ thông tin file vừa lưu.

1. **Truy vấn database**

Module này chủ yếu truy xuất database để lưu trữ dữ liệu hoặc lấy dữ liệu của người dùng.

### Client

Client có chức năng lấy dữ liệu từ phía server và hiển thị dữ liệu lên giao diện người dùng. Gồm các module chính: Call API, Socket IO, View.

1. **Call API**

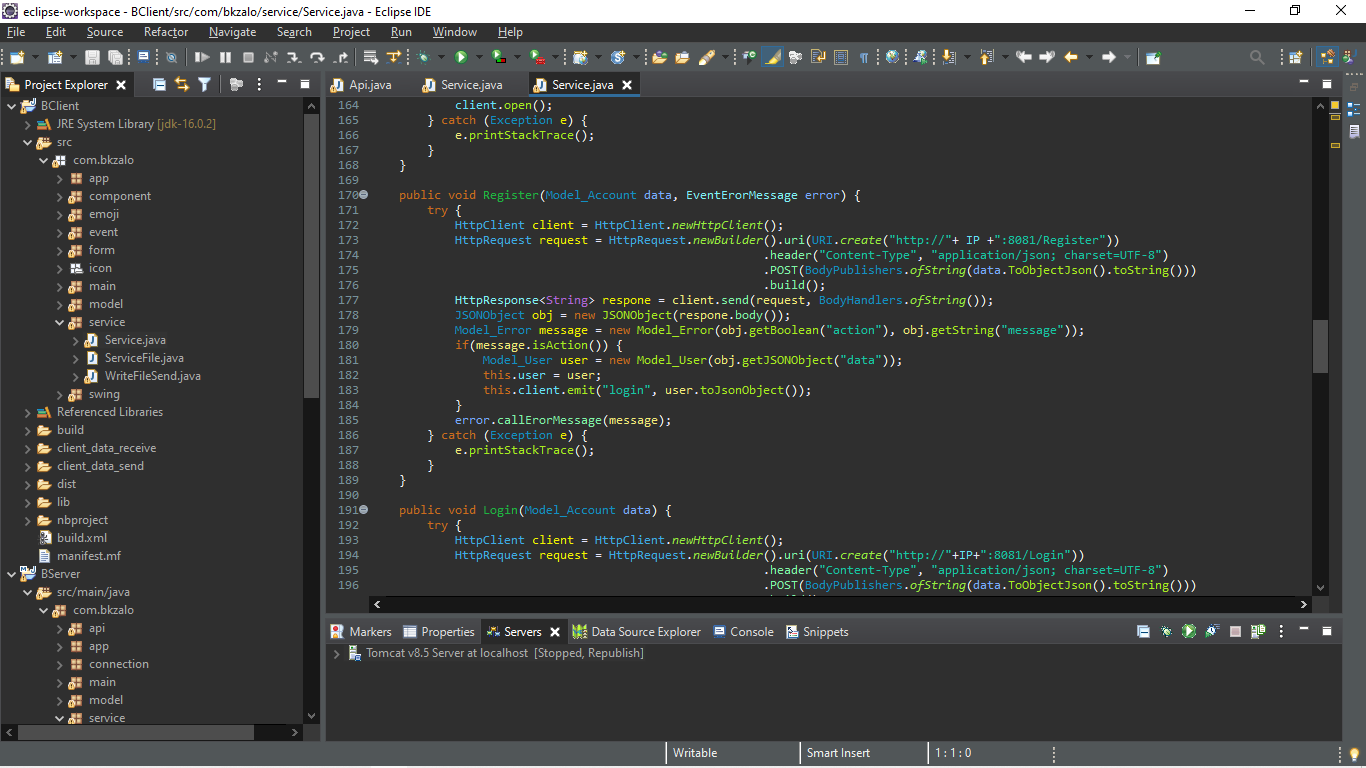
Module này có chức năng gọi Web API từ phía server để xác thực tài khoản người dùng khi người dùng thực hiện đăng ký hoặc đăng nhập.

Module sử dụng lớp **HttpClient**, **HttpRequest**, **HttpRespone** để gửi và nhận dữ liệu.

* **Đăng ký**

Lấy dữ liệu tài khoản khi người dùng đăng ký sau đó gửi dữ liệu đến server. Sau đó nhận lại kết quả từ phía server.

Hàm gọi API Register:

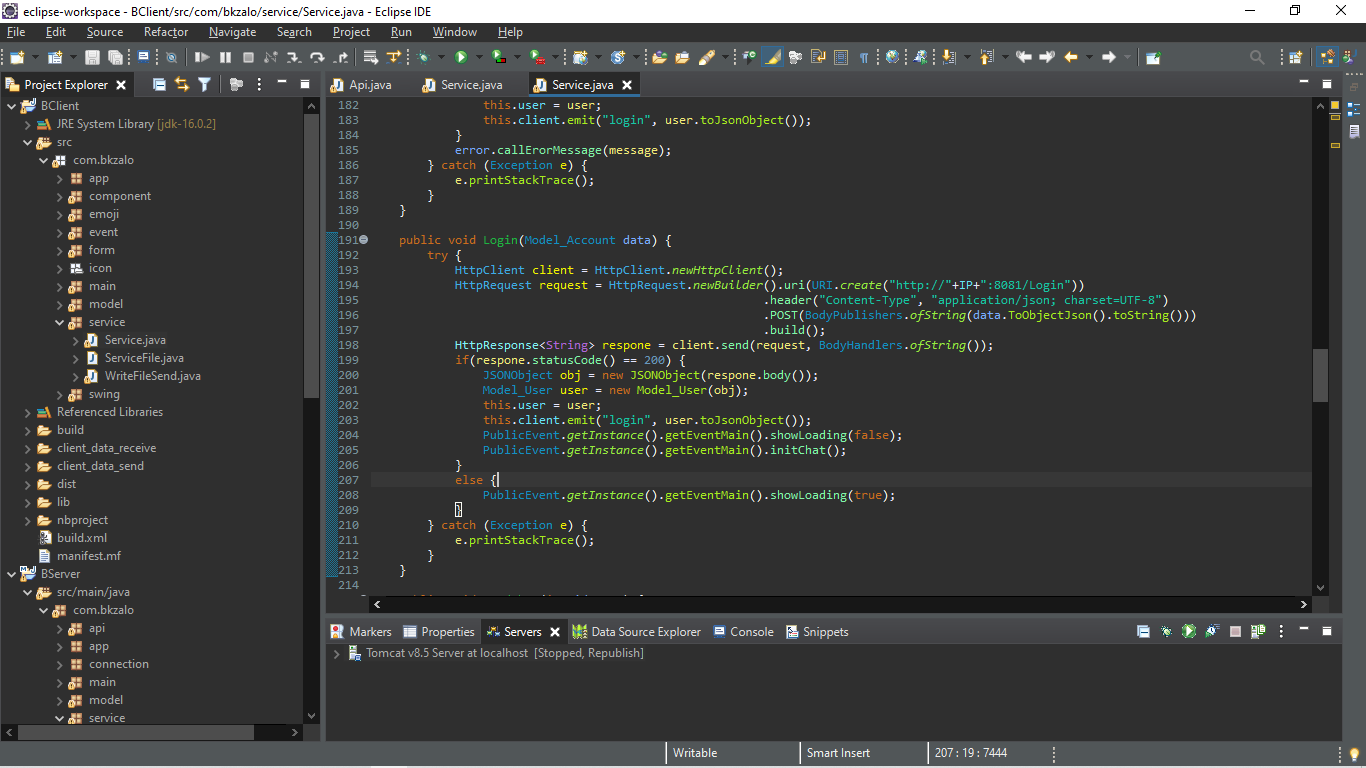


Hình 14 Call API Register

* **Đăng nhập**

Việc đăng nhập về cơ bản giống như đăng kí người dùng khi mà client cũng lấy thông tin tài khoản người dùng từ client để gửi về server sau đó nhận lại phản hồi từ server.

Hàm gọi API Login:



Hình 15 Call API Login

1. **Socket IO**

Module Socket IO có chức năng chính trong chương trình ở phía client. Phụ trách nhiều tác vụ như: cập nhật danh sách người dùng, cập nhật trạng thái hoạt động của người dùng, sử lý nhắn tin real-time, sử lý gửi nhận file và ảnh.

* **Cập nhật danh sách người dùng**

Sau khi đăng nhập hoặc đăng ký thành công, client sẽ gửi yêu cầu cập nhật danh sách người dùng đến server thông qua phương thức **socket.emit()**. Sau đó nhận được danh sách người dùng từ server thông qua phương thức **socket.on()** sau đó hiển thị danh sách ngươi dùng lên giao diện người dùng.

* **Cập nhật trạng thái hoạt động**
* **Dưới góc nhìn của người dùng vừa đăng nhập hoặc đăng kí**

Chương trình client sẽ tự động gửi yêu cầu cập nhật trạng thái hoạt động ngay khi người dùng vừa thực hiện đăng nhập hoặc đăng ký thành công vào hệ thống.

* **Dưới góc nhìn của người dùng đang online**

Chương trình client sẽ có một phương thức lắng nghe sự kiện cập nhật trạng thái người dùng (sử dụng **socket.on()**). Phương thức này sẽ nhận dữ liệ từ phía server gửi lên sau đó cập nhật trạng thái người dùng trên giao diện.

* **Sử lý nhắn tin real-time**
* **Dưới góc nhìn của người dùng gửi tin nhắn**

Chương trình client sẽ nhận dữ liệu tin nhắn sau đó gửi đến sever

* **Dưới góc nhìn của người dùng nhận tin nhắn**

Chương trình client sẽ có một phương thức lắng nghe để nhận dữ liệu từ phía server gửi đến, sau đó sẽ tải tin nhắn vừa nhận được lên giao diện người dùng.

* **Sử lý gửi nhận file hoặc ảnh**
* **Dưới góc nhìn của người dùng gửi**

Client sẽ đọc dữ liệu dạng byte sau đó gửi tuần tự nhiều mảng byte về phía client (Vì phương thức socket giới hạn độ lớn dữ liệu truyền tải nên khi truyền dữ liệu lớn như file cần phải gửi từng mảng về phái server sử dụng phương thức RandomAccessFile)

* **Dưới góc nhìn của người nhận**

Client sẽ có một phương thức lắng nghe để nhận dữ liệu file từ phía server. Sau khi nhận được dữ liệu sẽ thực hiện ghi file đồng thời tải thông tin file lên giao diện người dùng.

1. **View**

Module này có chức năng chính là tương tác với người dùng, lấy và hiển thị dữ liệu cho người dùng.

## KẾT CHƯƠNG

Chương này trình bày hướng giải quyết của bài toán, các chức năng chính của chương trình, các công nghệ sử dụng và tổ chức chương trình. Ngoài ra chương còn trình bày các thuật toán để giải quyết vấn đề nhận và gửi tin nhắn trong ứng dụng.

# TRIỂN KHAI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Chương này trình bày về kết quả triển khai hệ thống, cấu hình hệ thống và các thành phần chức năng. Kết quả được đánh giá thông qua các kịch bản thực nghiệm khác nhau nhằm thể hiện các ưu/nhược của giải pháp đề xuất.

## MÔ HÌNH TRIỂN KHAI

### Mô hình triển khai

Chương trình được triển khai theo mô hình client – server.

### Các công cụ sử dụng

* Ngôn ngữ lập trình: java
* IDE: Eclipse

### Cấu hình hệ thống

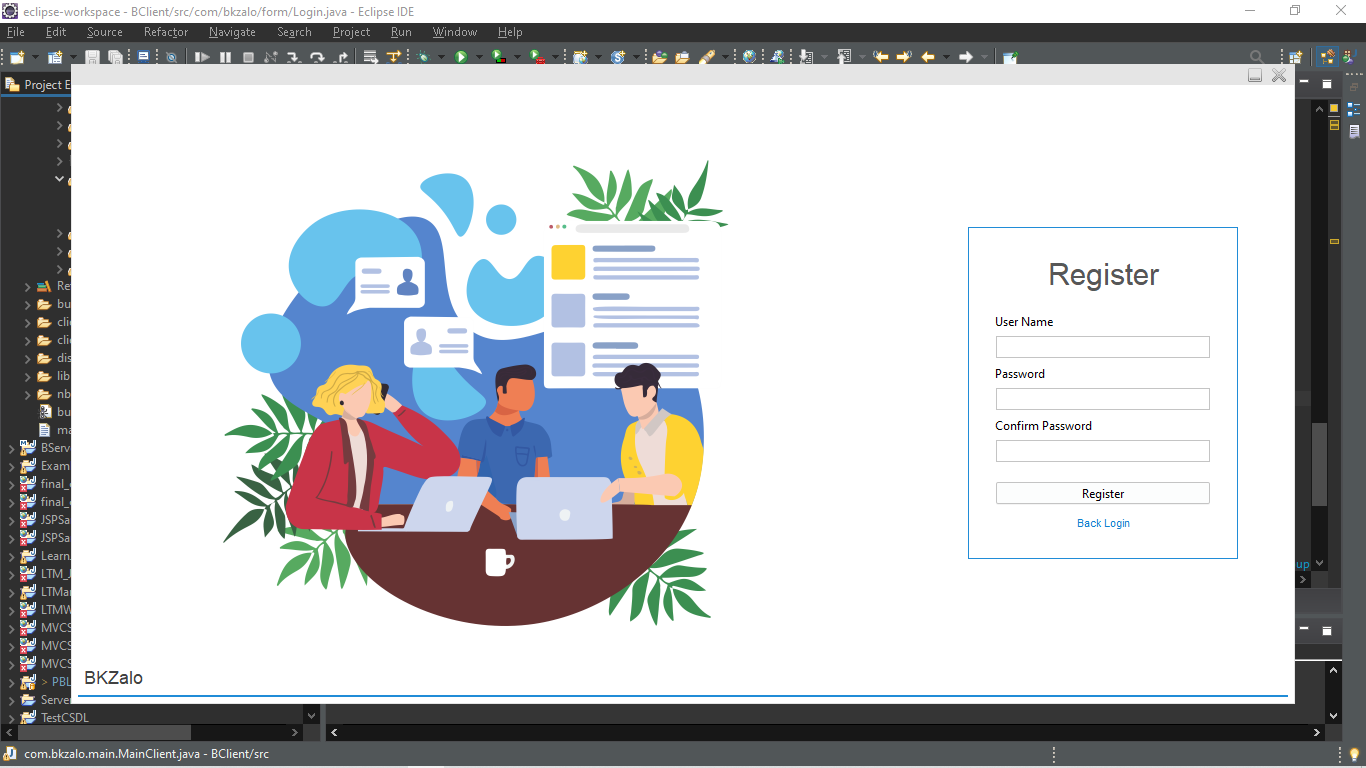
* Phiên bản java: jdk 16
* Tomcat: v8.5

## KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

### Đăng ký, đăng nhập vào hệ thống

1. **Đăng ký:**

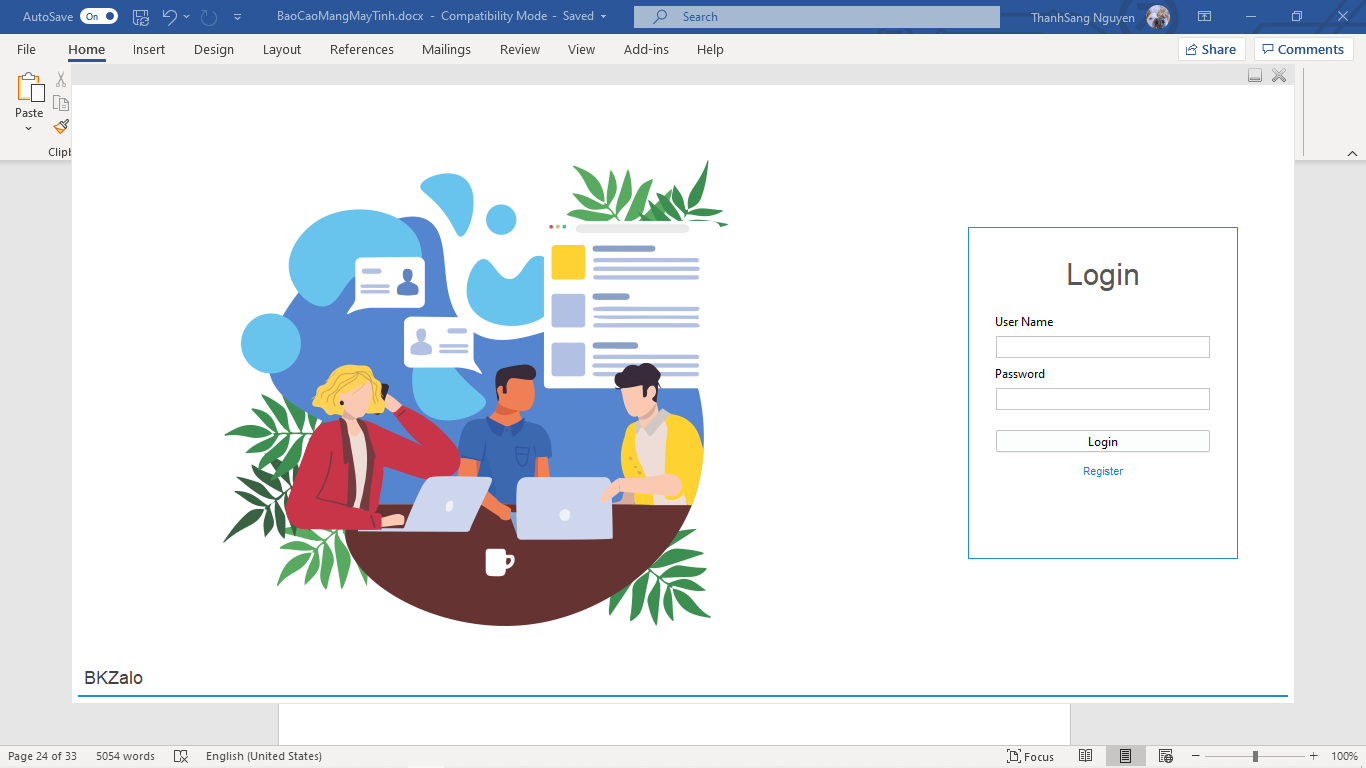
* Người dùng điền thông tin tài khoản đăng ký đầy đủ vào các trường sau đó nhấn đăng ký.
* Nếu đăng ký thành công, người dùng có thể truy cập vào hệ thống.
* Nếu đăng ký không thành công, hệ thống sẽ thông báo lỗi cho người dùng
* Người dùng có thể thực hiện đăng ký lại



Hình 16 Giao diện đăng ký

1. **Đăng nhập**

* Người dùng điền thông tin tài khoản vào đầy đủ các trường sau đó nhấn đăng nhập
* Nếu thông tin chính xác, người dùng có thể truy cập vào hệ thông
* Nếu thông tin không chính xác, hệ thống sẽ thông báo đến người dùng.

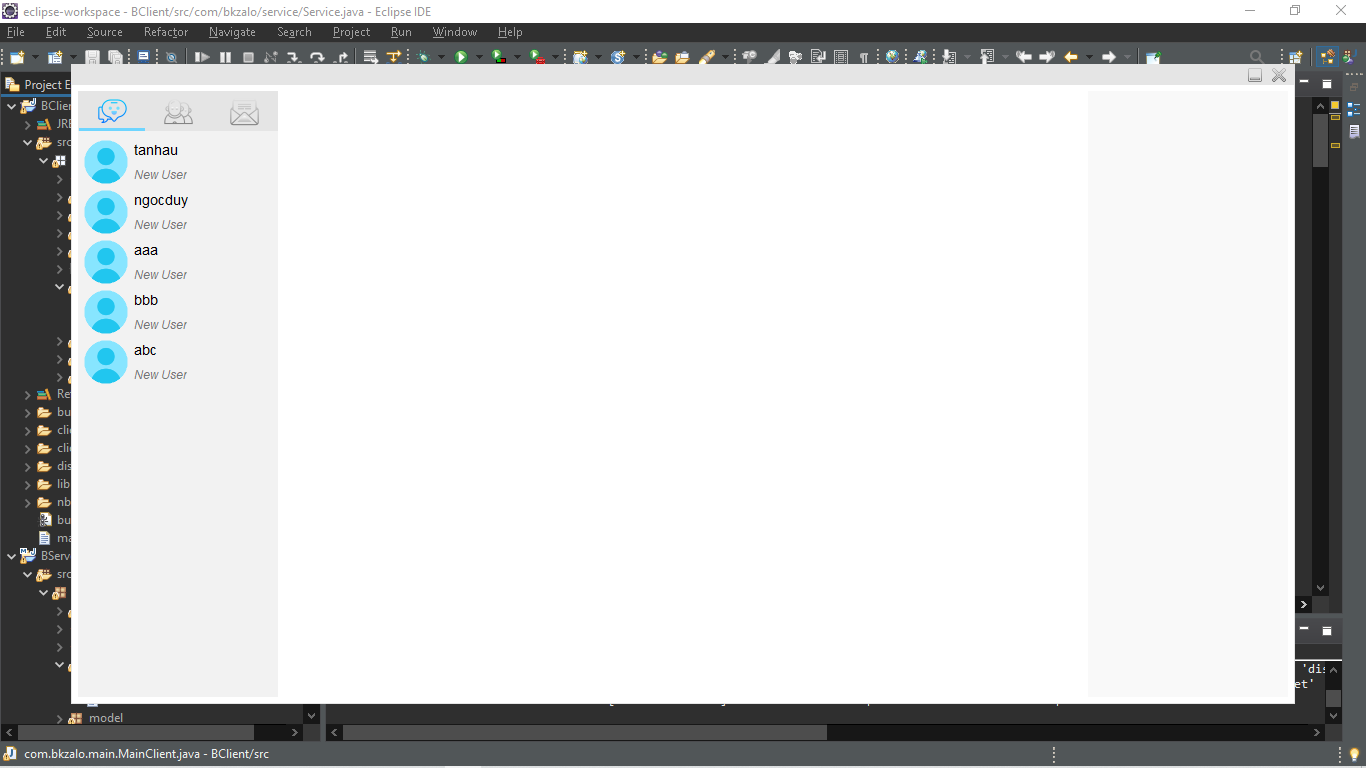


Hình 17 Giao diện đăng nhập

### Chức năng xem danh sách người dùng, cập nhật trạng thái người dùng

1. **Chức năng xem danh sách người dùng**

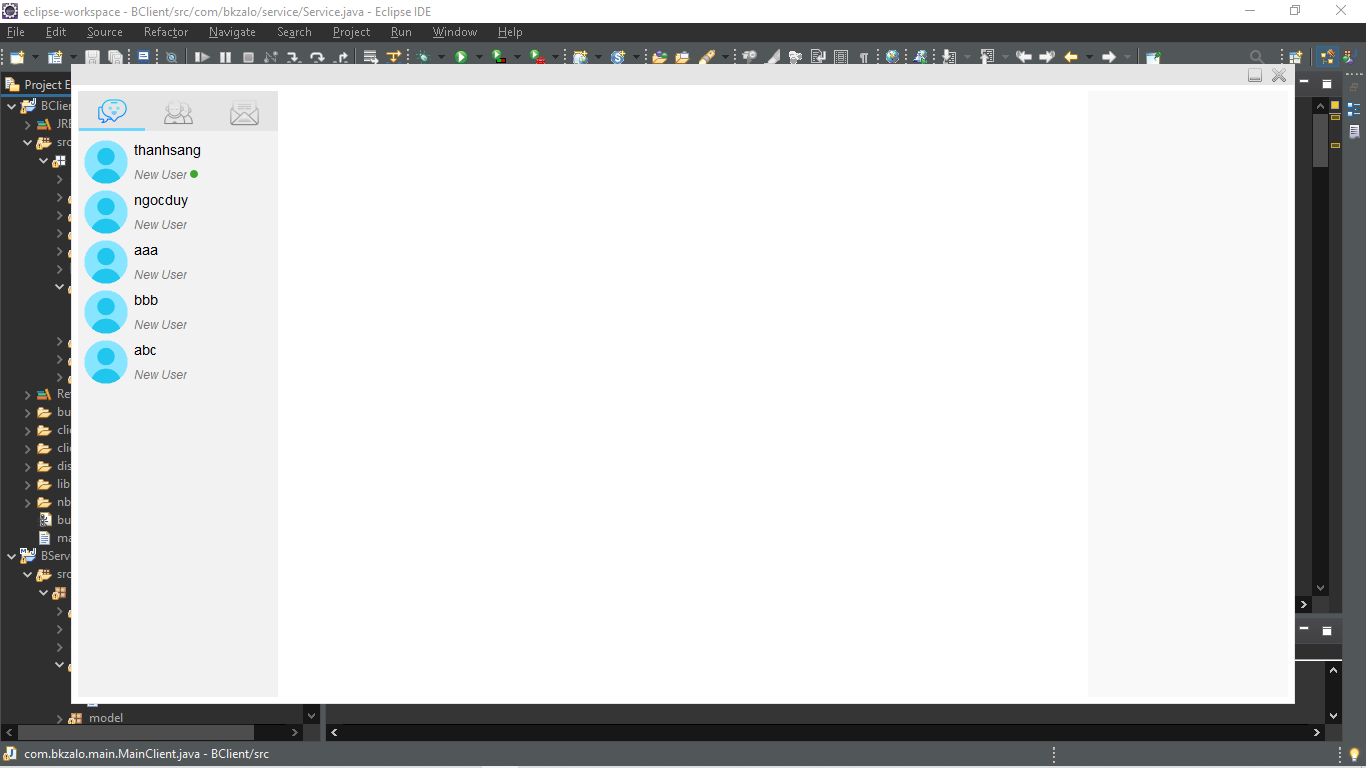
* Sau khi đăng nhập vào hệ thống, người dùng sẽ có thể xem được danh sách người dùng.
* Khi có bất kì người dùng nào đăng ký mới vào hệ thống, danh sách sẽ được tự động làm mới.



Hình 18 Danh sách người dùng

1. **Cập nhật trạng thái người dùng**

* Sau khi đăng nhập hoặc đăng ký thành công vào hệ thống, người dùng có thể xem được danh sách người dùng đồng thời là trạng thái hoạt động của họ.
* Nếu có người dùng nào đăng nhập hoặc đăng ký vào hệ thống, trạng thái người dùng sẽ tự động cập nhật lại.

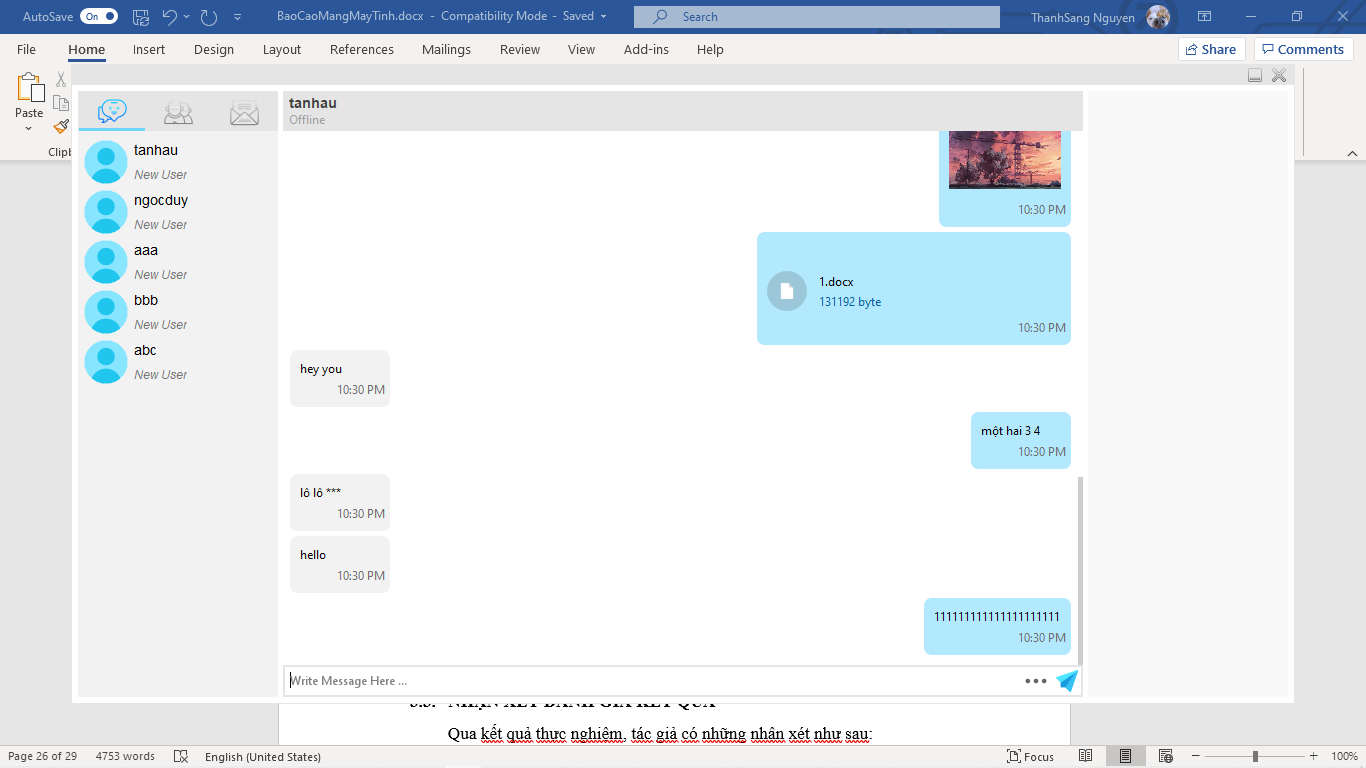


Hình 19 Cập nhật trạng thái hoạt động

### Chức năng nhắn tin, gửi emoji, gửi ảnh, gửi file

1. **Nhắn tin**

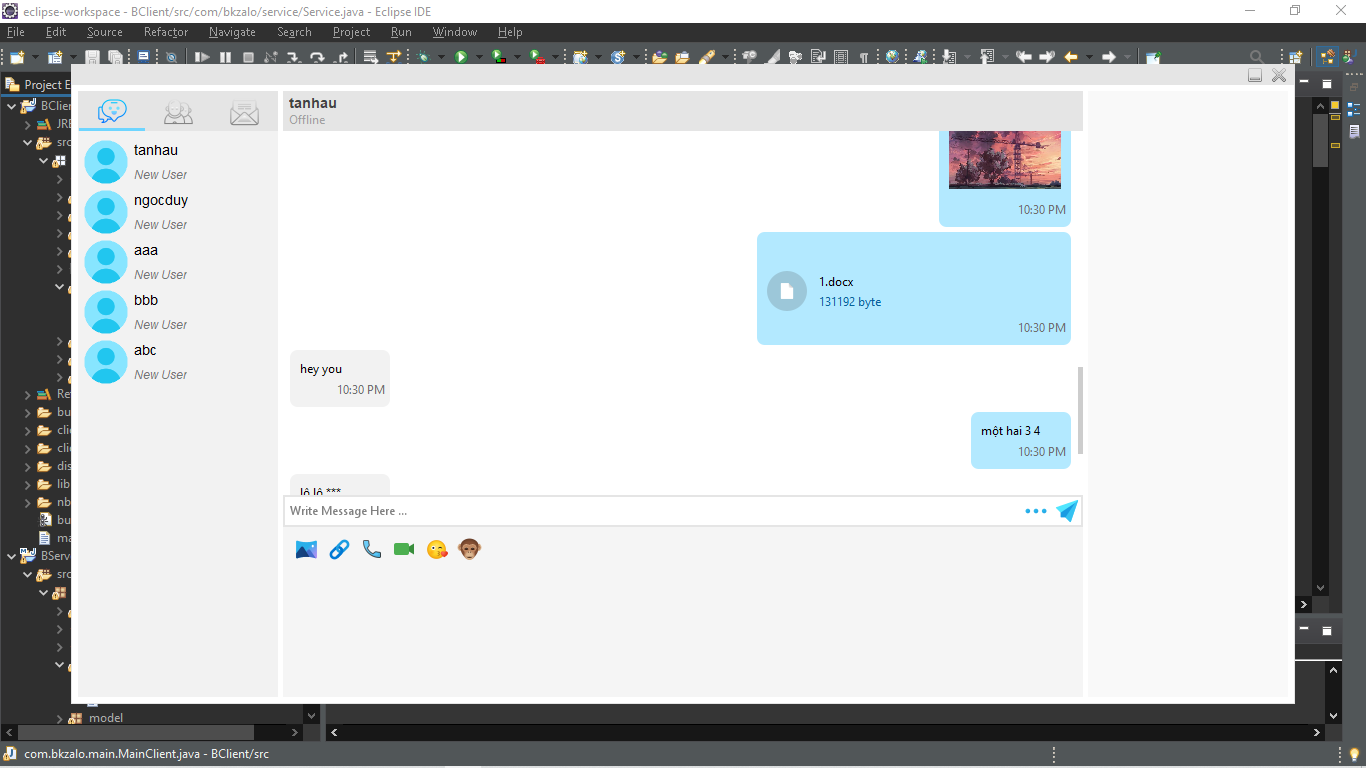
* Người dùng nhập tin nhắn vào boxchat sau đó nhấn gửi
* Giao diện người gửi sẽ tự động cập nhật tin nhắn lên khung chat
* Giao diện người nhận sau khi nhận được tin nhắn sẽ hiển thị lên khung chat



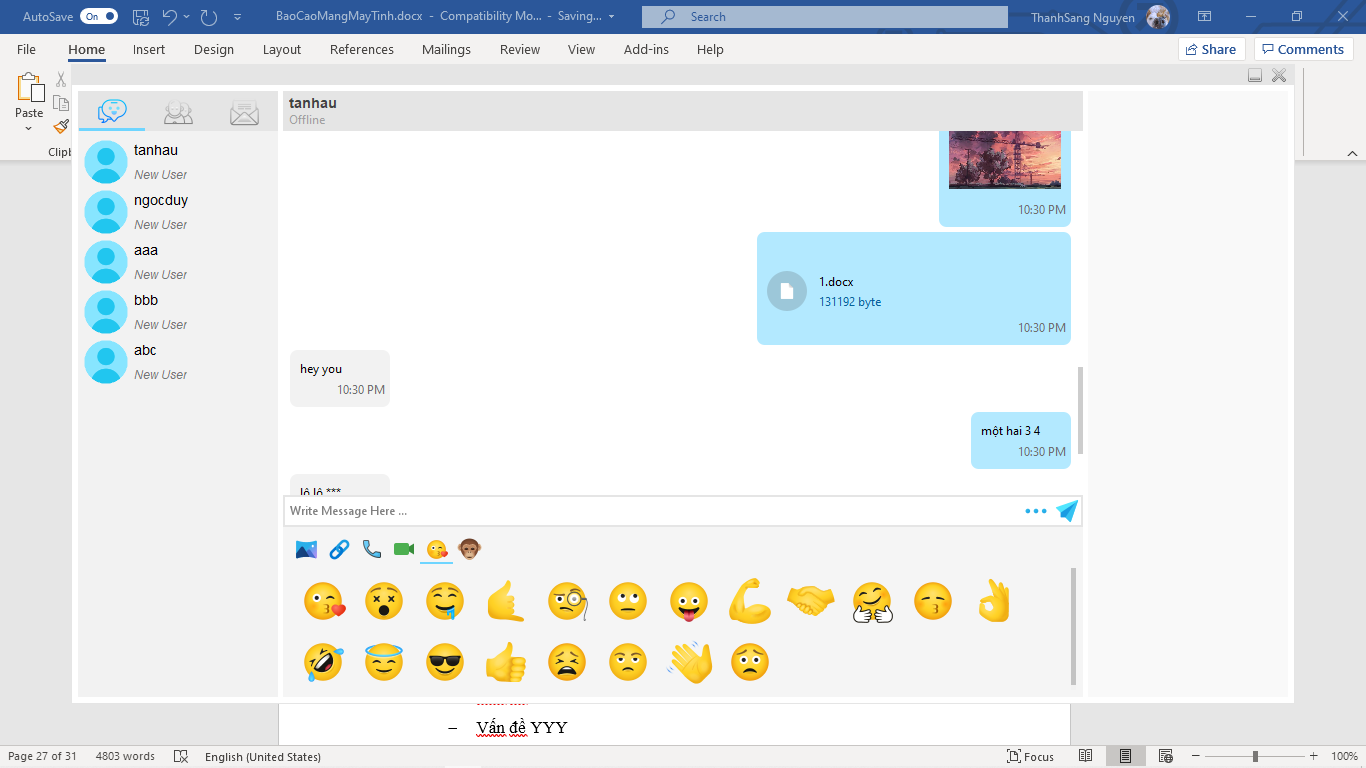
Hình 20 Giao diện nhắn tin

1. **Nhắn Emoji**

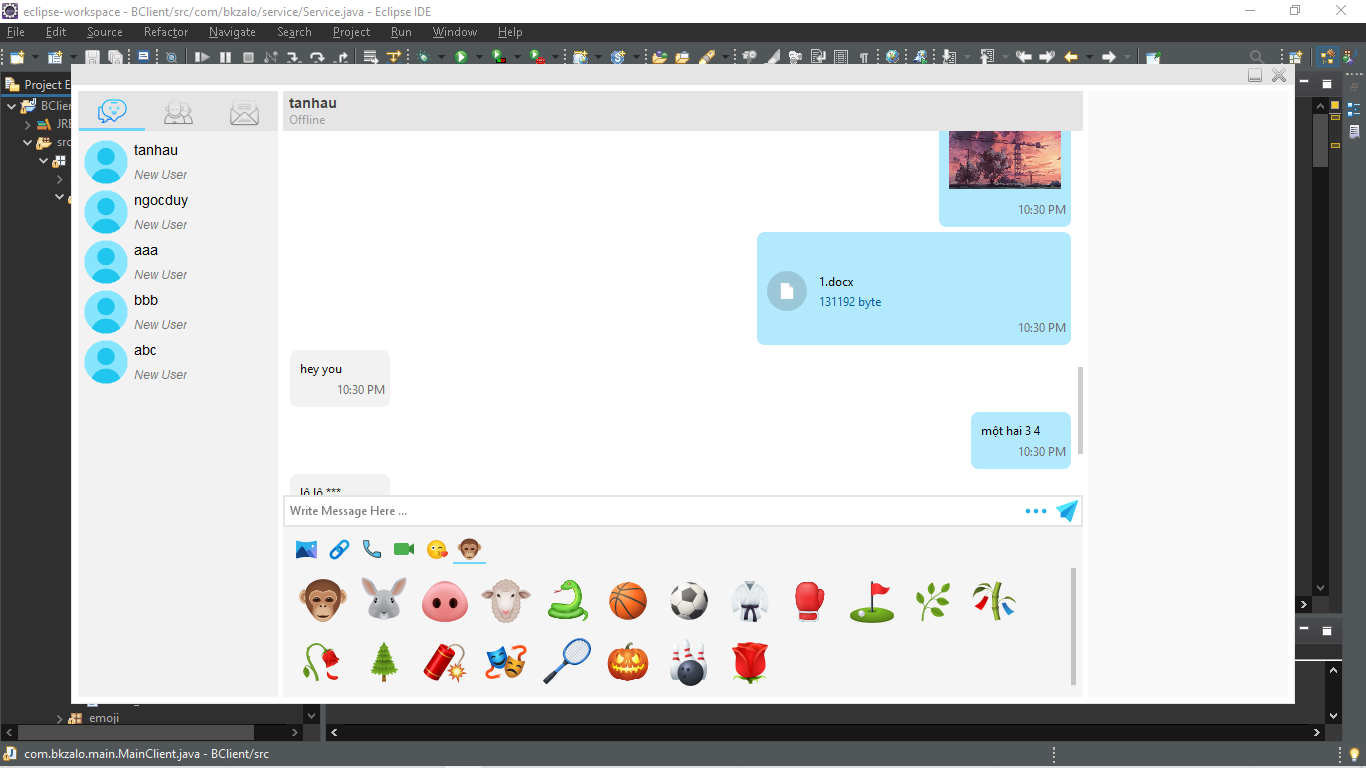
* Người dùng nhấn vào biểu tượng dấu 3 chấm trên boxchat để hiển thị panel more
* Nhấn vào biểu tượng emoji trên panel more để tải danh sách emoji
* Nhấn vào biểu tượng emoji muốn gửi, sau đó hệ thống sẽ thực hiện gửi emoji



Hình 21 Panel more



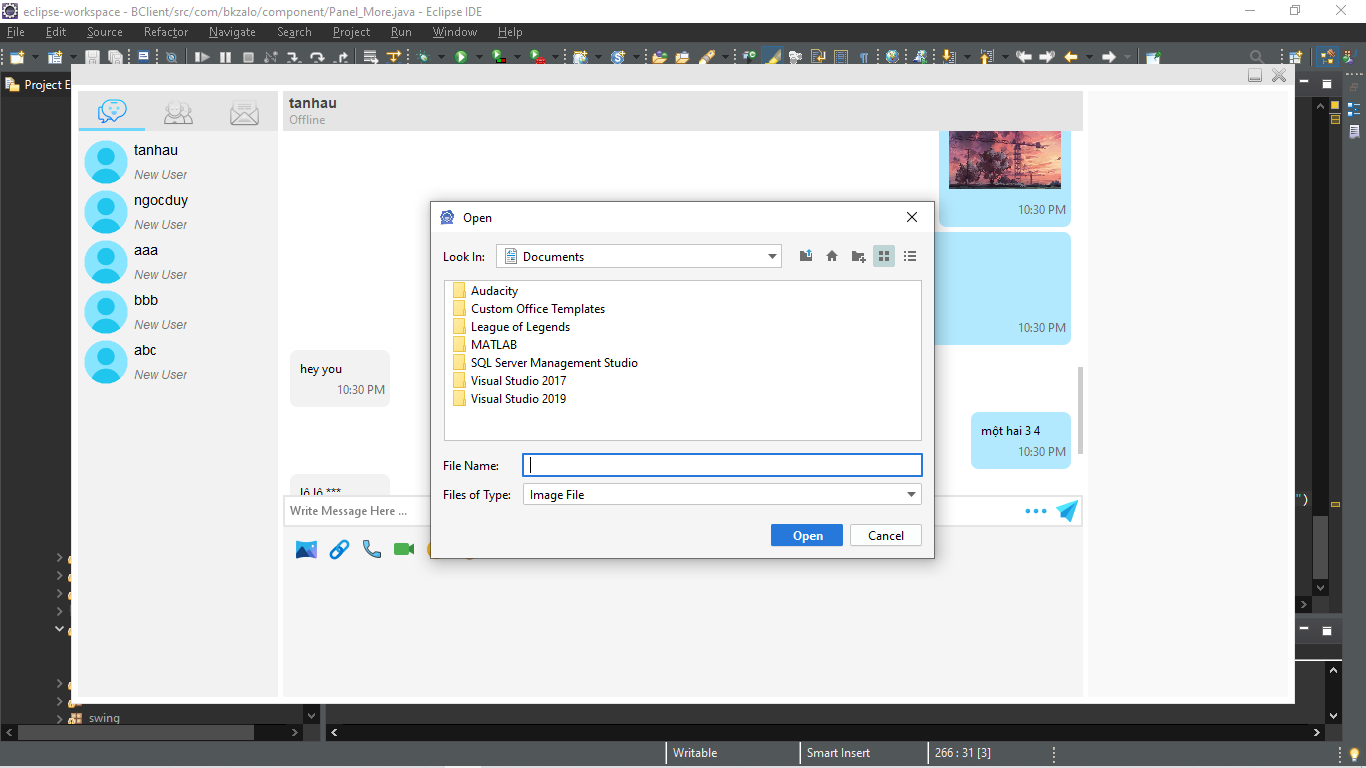
Hình 22 Danh sách emoji loại 1



Hình 23 Danh sách emoji loại 2

1. **Gửi ảnh, gửi file**

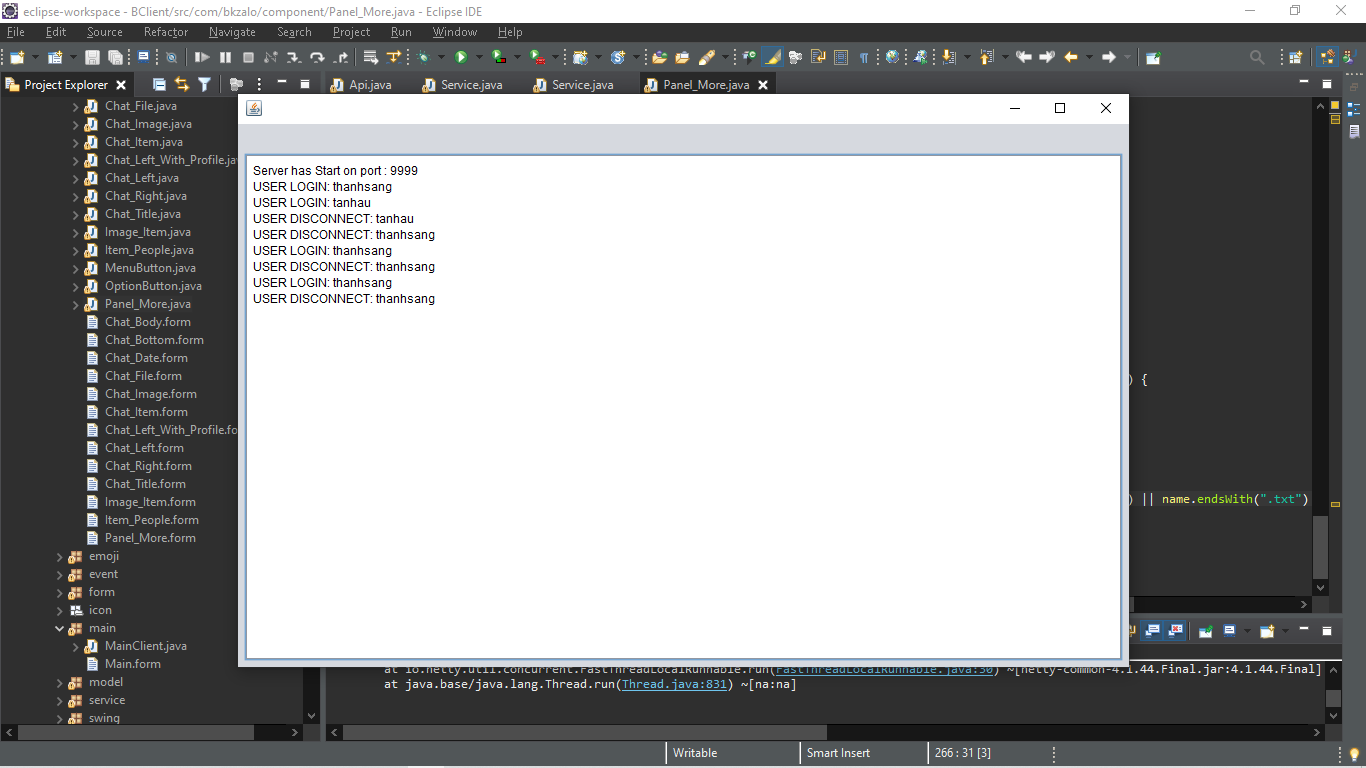
* Trên panel more, chọn biểu tượng hình ảnh hoặc biểu tượng file để gửi ảnh hoặc gửi file.
* Nếu nhấn vào gửi ảnh, người dùng chỉ được chọn các file có đuôi là ảnh như **jpg**, **png**, **jpeg**, **gif, …**
* Nếu nhấn vào gửi file, người dùng chỉ được chọn các file có đuôi là: **doc**, **docx**, **pdf**, **xlsx**, **txt, …**
* Sau khi nhấn vào một trong hai biểu tượng, một cửa sổ mới sẽ hiện ra cho phép lựa chọn file cần gửi.
* **Nhấn** **đúp chuột** vào file cần gửi hoặc **click open**, sau đó hệ thông sẽ thự hiện gửi file.



Hình 24 Gửi file, gửi ảnh

### Giao diện server

* Khi chạy server, giao diện server sẽ hiển thị trạng thái của server và port server.
* Khi có người đăng nhập hoặc đăng ký, giao diện sẽ hiển thị hành động của người dùng và tên người dùng thực hiện hành động đó.
* Khi có người dùng ngắt kết nối, giao diện sẽ hiển thị tên người dùng vừa ngắt kết nối.



Hình 25 Giao diện server

## NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

* Chương trình đã thực hiện được các điều kiện mà bài toán đặt ra, tuy nhiên nếu muốn đưa vào sử dụng cần thêm nhiều chức năng hơn.
* Giao diện của chương trình cũng chưa tối ưu và than thiện với người dùng, cần cải thiện, nâng cấp để chương trình có một giao diện đẹp hơn và thân thiện với người dùng hơn.

## KẾT CHƯƠNG

Chương này trình bày về môi trường để cài đặt, kết quả triển khai và đánh giá nhận xét kết quả chương trình.

KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. **KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

Trong thời gian tìm hiểu, nghiên cứu cơ sở lý thuyết và triển khai ứng dụng công nghệ, đồ án đã đạt được những kết quả sau:

*Về mặt lý thuyết,* đồ án đã giúp hiểu rõ hơn về cách tạo ra và cơ chế hoạt động của một Web API, hiểu được phương thức hoạt động của Socket IO cũng như hiểu rõ hơn về mô hình client – server.

Về mặt thực tiễn ứng dụng, đồ án đã tạo được ứng dụng trao đổi file và ứng dụng nhắn tin đơn giản đồng thời phát hiện được nhiều vẫn đề phát sinh khi lập trình với Java, từ đó tích cóp thêm được kinh nghiệm khi làm việc vói ngôn ngữ này.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại các vấn đề như sau:

* Ứng dụng còn thiếu sót nhiều chức năng.
* Giao diện còn khá đơn giản và nhiều phần vẫn chưa được tối ưu.

1. **KIẾN NGHỊ VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

Một số số hướng nghiên cứu và phát triển của đề tài như sau:

* Bổ sung và hoàn thiện một số chức năng của hệ thống
* Đánh giá hiệu năng trên các môi trường khác nhau
* Kiểm thử các chức năng của chương trình.
* Bổ sung các giải pháp bảo mật và an toàn cho hệ thống.TÀI LIỆU THAM KHẢO

**Tiếng Việt**

1. Đặng Văn Đức (2001), *Hệ thống thông tin địa lý*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ Thuật Hà Nội.
2. Phạm Hữu Đức (2005), *Cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin địa lý GIS*, Nhà xuất bản Xây dựng.

**Tiếng Anh**

1. Senthil Shanmugan (2004). *“Digital urban management programme - Evolution of Bangalore GIS model”*, Proceedings of the third International Conference on Environment and Health, India.
2. Teemu Nuortio, Harri Niska (2003), *“Improved route planning and scheduling of waste collection and transport”*, Department of Environmental Sciences, University of Kuopio, Finland.

**Internet**

1. *http://* [*www.mapreduce.org*](http://www.mapreduce.org/)
2. *http://* [*www.­vre.­cse.­hcmut.­edu.­vn*](http://www.vre.cse.hcmut.edu.vn/)